



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



www.idiseafood.com



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2024

QL. 80, Cụm CN Vàm Cống, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: 0277 3680383 - 0277 3296800 Fax: 0277 3680382
Email: idi seafood@vnn.vn
Website: idi seafood.com

MỤC LỤC

THƯ NGỎ	1
I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	2
1. Lịch sử hình thành	2
2. Quá trình phát triển	3
2.1. Ngành nghề kinh doanh	3
2.2. Địa bàn kinh doanh	3
2.3. Tóm tắt quá trình phát triển Công ty	3
3. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	4
3.1. Mô hình quản trị	4
3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý và chức năng nhiệm vụ	4
3.3. Công ty mẹ và các Công ty con	6
4. Định hướng phát triển	7
4.1. Các mục tiêu chính của Công ty	7
4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn	10
4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững	11
5. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh	11
5.1. Về môi trường nước và chất lượng cá giống	11
5.2. Về thị trường tiêu thụ	11
5.3. Về thiên tai và tác động của con người	11
5.4. Về chính trị	11
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024	12
1. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh	12
1.1. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm 2024	12
1.2. Kết quả thực hiện so với kế hoạch	13
1.3. Hoạt động sản xuất, kinh doanh	14
2. Tổ chức và nhân sự	15
2.1. Danh sách Ban Điều hành	15
2.2. Những thay đổi trong Ban Điều hành năm 2024	16
2.3. Nguồn nhân lực	16
3. Tình hình thực hiện đầu tư và thực hiện các dự án	16
3.1. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2024	16
3.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con	17
4. Tình hình tài chính Công ty I.D.I	19
4.1. Tình hình tài chính năm 2024	19
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	19
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	20
5.1. Cổ phần	20
5.2. Cơ cấu cổ đông	20
5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	21
5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ	21
5.5. Các chứng khoán khác	21
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	21
6.1. Tác động lên môi trường	21
6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu	21
6.3. Tiêu thụ năng lượng	22
6.4. Tiêu thụ nước	22
6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	22

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.	22
6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.	24
6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh.	24
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.	25
1. <i>Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i>	25
1.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024.	25
1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được.	25
2. <i>Tình hình tài chính.</i>	28
2.1. Phân tích tình hình tài sản.	28
2.2. Tình hình nợ phải trả.	28
3. <i>Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2025 (Riêng Công ty mẹ).</i>	29
4. <i>Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.</i>	33
4.1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải.	33
4.2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải.	33
4.3. Về quản lý chất thải rắn thông thường	34
4.4. Về quản lý chất thải nguy hại:	34
4.5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	34
4.6. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).....	34
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.	35
1. <i>Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty.</i>	35
2. <i>Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:.....</i>	35
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.	36
1. <i>Hội đồng quản trị.</i>	36
1.1. Các thành viên Hội đồng quản trị.	36
1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:	37
2. <i>Ban Kiểm soát </i>	37
2.1. Các thành viên Ban Kiểm soát	37
2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát.	38
3. <i>Ban Kiểm toán nội bộ.</i>	38
3.1. Các thành viên:	38
3.2. Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ:	39
4. <i>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích.</i>	39
4.1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024.	39
4.2. Các khoản lợi ích khác:	40
4.3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ trong năm 2024:	40
4.4. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:	40
4.5. Đánh giá việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty:	40
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024.	41
1. <i>Ý kiến kiểm toán.....</i>	41
2. <i>Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán.</i>	41



THƯ NGỎ!

Kính thưa: **Các thành viên trong Đại gia đình I.D.I thân mến!**

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty, tôi xin trân trọng gửi đến Quý Cổ đông lời chào trân trọng, lời cảm ơn chân thành và lời chúc sức khỏe, thành công và thịnh vượng.

Năm 2024 vừa qua là một năm đầy thử thách với nền kinh tế nói chung và ngành thủy sản nói riêng. Tuy nhiên, với tinh thần đoàn kết, chủ động và linh hoạt, Công ty I.D.I vẫn vững vàng vượt qua những biến động, từng bước khẳng định vị thế và tầm nhìn dài hạn của mình. Hướng đến mục tiêu vươn lên vị trí số 1 trong ngành cá tra Việt Nam, Ban lãnh đạo I.D.I đã và đang triển khai những kế hoạch đầu tư mạnh mẽ và khoa học, trong đó bao gồm:

- Đầu tư Trung tâm giống cá tra công nghệ cao nhằm chủ động nguồn giống chất lượng, nâng cao năng suất và sức đề kháng.
- Cải tiến quy trình nuôi và thức ăn cho cá tra, ứng dụng các giải pháp kỹ thuật tiên tiến giúp rút ngắn thời gian nuôi, tăng tỷ lệ chuyển đổi thức ăn và giảm chi phí đầu vào.
- Tự động hoá các khâu sản xuất trong chế biến nhằm tăng năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm và đáp ứng yêu cầu khắt khe của các thị trường xuất khẩu.
- Đầu tư hệ thống điện mặt trời tự dùng để tối ưu hóa chi phí năng lượng, hướng đến phát triển bền vững và thân thiện với môi trường.

Những chiến lược này không chỉ giúp I.D.I chủ động chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất mà còn tạo lợi thế cạnh tranh về giá thành – yếu tố then chốt trong bối cảnh ngành cá tra ngày càng hội nhập sâu rộng và cạnh tranh gay gắt. Kết quả đạt được trong năm vừa qua là thành quả từ sự đồng lòng của tập thể cán bộ nhân viên và hơn hết là sự tin tưởng, đồng hành của Quý Cổ đông – những người luôn sát cánh cùng I.D.I trong từng bước phát triển. Chúng tôi trân quý và xin ghi nhận điều đó.

Một lần nữa, tôi muốn gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể các thành viên trong “Đại gia đình I.D.I” đã nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao, cũng như sự tin tưởng và ủng hộ của Quý khách hàng, đồng hành của đối tác và Quý cổ đông. Tôi hy vọng chúng ta sẽ tiếp tục duy trì tinh thần đoàn kết, đồng thuận và hỗ trợ nhau trên con đường phát triển. Chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công đến tất cả các thành viên và đối tác của I.D.I.

Xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Thuận

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.

1. Lịch sử hình thành.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I được thành lập năm 2003 theo giấy chứng nhận ĐKKD số 4103001715 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/07/2003 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 21 số 0303141296 ngày 15/08/2024.

- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
- Tên tiếng Anh : I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION
- Tên viết tắt : Công ty Cổ phần I.D.I
- Vốn điều lệ đăng ký: 2.731.726.680.000 đồng.
- Vốn điều lệ thực góp: 2.731.726.680.000 đồng.
- Địa chỉ ĐKKD: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Điện thoại: 0277 3680 383 Fax: 0277 3680 382
- Website: www.idiseafood.com
- Email: info@idiseafood.com
- Mã số thuế: 0303141296



Cụm công nghiệp Vàm Cống và các nhà máy của I.D.I

2. Quá trình phát triển.

2.1. Ngành nghề kinh doanh.

- Nuôi trồng, chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu.
- Mua bán thức ăn thủy sản.
- Kinh doanh bất động sản.

Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Logo:



- Pháp lý: Logo I.D.I được Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo quyết định số 72830/QĐ-SHTT ngày 19/10/2017.

2.2. Địa bàn kinh doanh.

Năm 2024, Công ty đã xuất khẩu đến hơn 150 khách hàng với 48 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, thị trường Mexico chiếm gần 25% và thị trường Trung Quốc chiếm hơn 22% tổng doanh thu xuất khẩu trong 02 năm gần nhất.



Trụ sở làm việc của Công ty I.D.I

2.3. Tóm tắt quá trình phát triển Công ty.

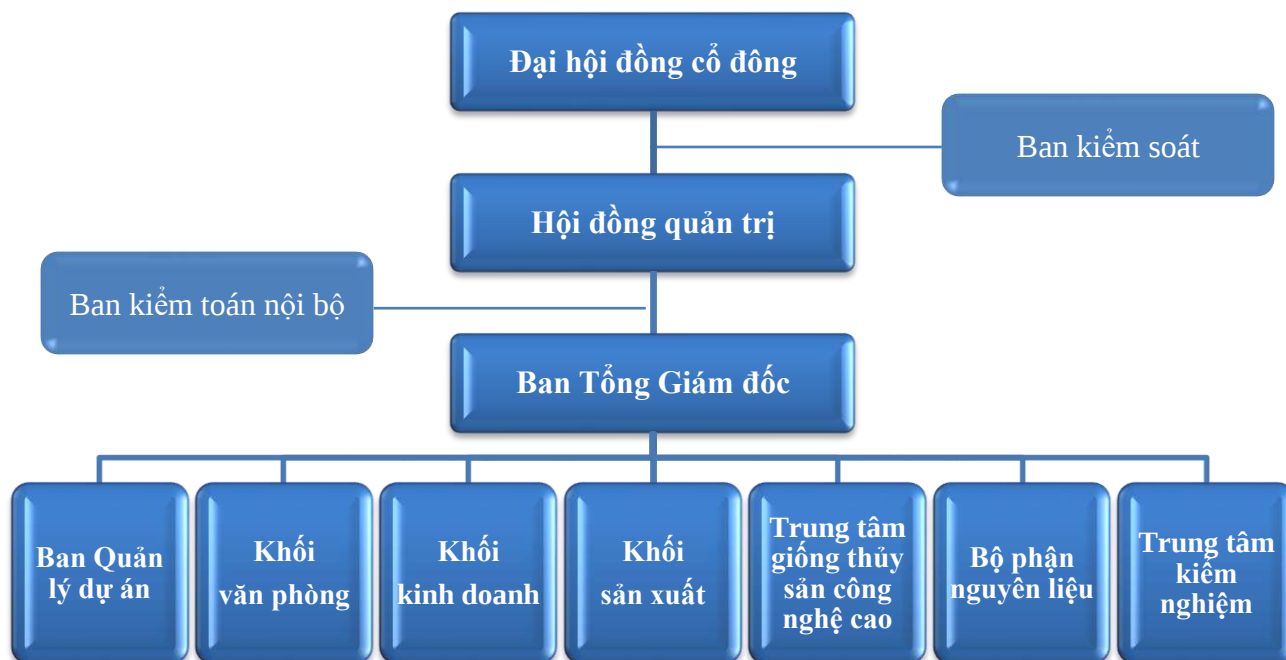
- Năm 2003, được thành lập với số vốn ban đầu là 29 tỷ đồng.
- Năm 2007-2008 khởi công xây dựng và hoàn thành Nhà máy chế biến thủy sản số 1.
- Năm 2010, vận hành Nhà máy thủy sản số 1 với công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày.
- Năm 2011, đăng ký niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 64/2011/QĐ-SGDHCM ngày 17/05/2011 tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.
- Năm 2016, vận hành Nhà máy thủy sản số 2 với công suất thiết kế 150 tấn nguyên liệu/ngày.
- Năm 2018, hoàn thành xây dựng Kho lạnh số 03 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm.
- Năm 2020, hoàn thành xây dựng Kho lạnh số 04 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm.
- Năm 2024, khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản số 03 với công suất 120 tấn nguyên liệu/ngày.

- I.D.I luôn có tên trong top 4 doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu cá tra đông lạnh hàng đầu Việt Nam.

3. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý.

3.1. Mô hình quản trị:

Hiện tại Công ty I.D.I đang hoạt động theo “ Điểm 1, điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý và chức năng nhiệm vụ.

3.2.1. Hội đồng quản trị.



Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty I.D.I tại ĐHĐCĐTN năm 2024

Hội đồng quản trị (HĐQT) được ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là 05 năm, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất, kinh doanh mang tính chất chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Tổng Giám đốc.

Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029 gồm có:

- | | |
|----------------------|--------------------------|
| - Ông Lê Thanh Thuận | Chủ tịch. |
| - Ông Lê Tuấn Anh | Phó chủ tịch. |
| - Ông Lê Văn Cảnh | Thành viên HĐQT. |
| - Ông Tống Phi Hùng | Thành viên HĐQT độc lập. |
| - Ông Lê Mạnh Huân | Thành viên HĐQT độc lập. |

3.2.2. Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát (BKS) được ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là 05 năm, là bộ phận quản trị với nhiệm vụ thay mặt ĐHĐCĐ tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban Điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty.

Thành viên BKS nhiệm kỳ 2024 – 2029 gồm có:

- | | |
|----------------------------|-------------|
| - Ông Từ Thiện Thoại | Trưởng ban. |
| - Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | Thành viên. |
| - Bà Đoàn Nguyễn Kim Phụng | Thành viên. |

3.2.3. Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mục tiêu và kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua.

Thành viên Ban Tổng Giám đốc gồm có:

- | | |
|-------------------------|---------------------|
| - Ông Lê Văn Cảnh | Tổng Giám đốc. |
| - Bà Võ Thị Minh Tâm | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Thanh Hải | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Lê Thế Tùng | Phó Tổng Giám đốc. |
| - Ông Trương Công Khánh | Giám đốc tài chính. |
| - Ông Nguyễn Đức Phương | Kế toán trưởng. |

3.2.4. Ban Kiểm toán nội bộ.

Kiểm toán nội bộ (KTNB) đóng vai trò là người bảo vệ giá trị cho doanh nghiệp. KTNB là một quan sát viên độc lập do HĐQT bầu ra nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật quốc gia, đạo đức kinh doanh và quy chế hoạt động của Công ty. KTNB chịu trách nhiệm phát hiện ra những sai sót trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giữ vai trò là người tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc và HĐQT về kiểm soát rủi ro.

Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ gồm có:

- | | |
|----------------------|-------------|
| - Bà Lê Thị Phụng | Trưởng ban. |
| - Bà Ngô Thị Tố Ngân | Thành viên. |
| - Ông Lê Hoàng Cường | Thành viên. |

3.3. Công ty mẹ và các Công ty con.**3.3.1. Công ty Mẹ.****Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai (ASM).**

- Vốn điều lệ: 3.701.782.500.000 đồng.
- Địa chỉ : Số 326 Hùng Vương, P. Mỹ Long, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng.
 - + Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.
 - + Thủy Sản.
 - + Điện năng lượng tái tạo.

Đơn vị tính: VNĐ

Vốn điều lệ IDI đến 31/12/2024	Số vốn cổ phần của ASM đến 31/12/2024	Tỷ lệ sở hữu (%)
2.731.726.680.000	1.399.349.160.000	51,23%

3.3.2. Công ty con.**a. Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco).**

- Vốn điều lệ: 692.283.410.000 đồng.
- Địa chỉ: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, bán buôn thực phẩm.
 - + Sản xuất dầu, mỡ động thực vật.

Đơn vị tính: VNĐ

Vốn điều lệ Trisedco đến 31/12/2024	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2024	Tỷ lệ sở hữu (%)
692.283.410.000	548.613.400.000	79,25%

b. Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đắc Nông

- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 1, Tiểu khu 834, Cụm Ba Tầng, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng cây cao su.

Đơn vị tính: VNĐ

Vốn điều lệ Công ty Vĩnh An Đắc Nông đến 31/12/2024	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2024	Tỷ lệ (%)
60.000.000.000	58.500.000.000	97.50%

4. Định hướng phát triển.

4.1. Các mục tiêu chính của Công ty.

4.1.1. Xây dựng trung tâm giống thủy sản công nghệ cao.

Công ty đang xây dựng một trung tâm giống công nghệ cao, ứng dụng công nghệ hiện đại từ việc lai tạo, phát triển những gen tốt cho ra cá tra giống tốt để khắc phục những nhược điểm hiện tại như giảm tỷ lệ hao hụt, rút ngắn thời gian nuôi, giảm hệ số thức ăn, nâng cao sức đề kháng cho cá tra nguyên liệu... Từ đó sẽ giảm chi phí trong việc nuôi cá, kiểm soát giá thành và nâng cao chất lượng cá thành phẩm giúp cho sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt, có tính cạnh tranh hơn và là một trong những chìa khóa để phát triển bền vững cho con cá tra Việt Nam.



4.1.2. Phát triển vùng nuôi cá liên kết với Công ty.

Bên cạnh mục tiêu khép kín về chuỗi sản xuất cá tra thì ngoài việc có trang trại cá giống hiện đại, Công ty cũng luôn nỗ lực tìm kiếm đầu tư và phát triển vùng nuôi liên kết với các hộ nông dân có vùng nuôi cá tra nguyên liệu đạt tiêu chuẩn, một mặt để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho chuỗi sản xuất, mặt khác đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cá thành phẩm cũng như việc kiểm soát được giá thành.



4.1.3. Xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản số 3.

Công ty đã hoàn thiện pháp lý đầu tư và đang xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản số 3 (Nhà máy thủy sản Hoa Kỳ) với công suất thiết kế 120 tấn nguyên liệu/ngày, dự kiến hoàn thành trong quý I/2026 sẽ giúp Công ty tăng năng lực xuất khẩu đáng kể trước cánh cửa thị trường Mỹ đã rộng mở và nhu cầu lương thực thực phẩm trên thế giới liên tục tăng trong những năm gần đây.



Nhà máy chế biến thủy sản số 01 với công suất 300 tấn nguyên liệu/ngày



Nhà máy chế biến thủy sản số 02 với công suất 150 tấn nguyên liệu/ngày



Kho lạnh số 03 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm



Kho lạnh số 04 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm sẽ hợp thể với Nhà máy số 03 khi hoàn thành

4.1.4. Nâng công suất hoạt động của nhà máy bột cá - dầu cá.

Nhà máy bột cá - dầu cá của Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco) là một Công ty con của Công ty I.D.I với tỷ lệ góp vốn gần 80%. Nhà máy này sử dụng nguồn phụ phẩm của các nhà máy chế biến thủy sản I.D.I để làm nguồn nguyên liệu đầu vào. Với quy trình và công nghệ hiện đại thì nhà máy bột cá – dầu cá cho ra 2 sản phẩm chính đó là bột cá và mỡ cá. Với việc Công ty I.D.I đầu tư xây dựng thêm Nhà máy chế biến thủy sản số 03 thì Nhà máy bột cá – dầu cá cũng cần phải đầu tư mở rộng, nâng công suất hoạt động để có thể tiếp nhận tối đa nguồn nguyên liệu đầu vào từ các Nhà máy của I.D.I.

4.1.5. Xây dựng nhà máy sản xuất bao bì thủy sản.

Hiện tại, Công ty I.D.I và các Công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai tại Cụm Công nghiệp Vàm Cống đang sử dụng gần 200 tỷ đồng mỗi năm cho việc thanh toán bao bì. Để quản lý chuỗi sản xuất hiệu quả, giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm của I.D.I, việc xây dựng nhà máy sản xuất bao bì thủy sản là rất cần thiết. Với quỹ đất sẵn có trong khuôn viên Cụm Công nghiệp Vàm Cống, Công ty đang dần hoàn thiện kế hoạch xây dựng nhà máy sản xuất bao bì thủy sản, khi dự án này hoàn thành thì một phần ổn định trong chuỗi sản xuất thủy sản, phần còn lại góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng doanh thu cũng như lợi nhuận cho Công ty.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tiếp tục phát triển toàn diện con cá tra kết hợp với bảo vệ môi trường sinh thái theo hướng bền vững, thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao và hội nhập vững chắc vào nền kinh tế thế giới.

Đổi mới và ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng và chế biến thủy sản, bảo quản sản phẩm để giảm tổn thất sau sản xuất. Hình thành các vùng nuôi công nghiệp tập trung có quy mô diện tích lớn theo tiêu chuẩn ASC phù hợp với từng thị trường, tạo ra sản lượng cá tra công nghiệp lớn phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, gắn với truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu thủy sản uy tín, chất lượng cao.

Tổ chức sản xuất thủy sản liên hoàn theo chuỗi giá trị sản phẩm. Hình thành hệ thống kênh phân phối thủy sản trong và ngoài nước. Xây dựng mối quan hệ liên kết, chia sẻ lợi ích giữa các công ty, người nuôi, nhà khoa học nhằm tạo môi trường thuận lợi nâng cao hiệu quả sản xuất.



Hệ thống điện năng lượng mặt trời trên nóc nhà máy thủy sản I.D.I

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững.

Tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động tạo công ăn việc làm, giúp cải thiện đời sống cho hàng ngàn CB-CNV ở địa phương hoạt động và các vùng lân cận. Góp phần tăng đóng góp vào ngân sách Nhà nước, phát triển xã hội và làm suy giảm, đẩy lùi các tệ nạn xã hội trên địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục hỗ trợ và chung tay giúp đỡ cùng với các quỹ hỗ trợ người nghèo, người neo đơn và những gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn nói riêng và cả nước nói chung.

Tiếp tục tham gia các Hội nghị thảo luận về bảo vệ môi trường và thường xuyên tuyên truyền về việc vệ sinh máy móc thiết bị, sửa chữa và thay mới các thiết bị hư hỏng, quá hạn sản xuất để giảm thiểu tối đa nguồn khí thải ra môi trường nếu có.

5. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

5.1. Về môi trường nước và chất lượng cá giống.

Hiện nay chất lượng cá tra giống rất thấp, sức đề kháng yếu nên cá dễ bị mắc nhiều bệnh dẫn đến tỷ lệ hao hụt lớn, trung bình khoảng 40-50%. Bên cạnh đó, chất lượng môi trường nước cũng rất xấu do dư lượng thuốc bảo vệ thực vật quá nhiều trong nước cũng khiến cho một số ao nuôi cá biệt có tỷ lệ hao hụt lên đến 60-70%. Ảnh hưởng trực tiếp rất lớn đến kế hoạch sản xuất của Công ty cũng như đa số các nhà máy chế biến cá tra khác.

5.2. Về thị trường tiêu thụ.

Trung Quốc với lợi thế tiếp giáp nhiều tuyến biên giới Việt Nam và có ưu thế về số lượng dân sinh đông nhất thế giới, cũng như nhu cầu thức ăn về các sản phẩm từ cá tra vô cùng lớn nên hiện tại họ là thị trường xuất khẩu lớn nhất cho mặt hàng cá tra của Việt Nam trong những năm vừa qua. Tuy nhiên, những năm gần đây thị trường Trung Quốc tiếp tục gặp nhiều khó khăn do phải cạnh tranh gay gắt, rất nhạy cảm về giá và có biên lợi nhuận thấp. Do đó, I.D.I đã và đang trong quá trình cơ cấu lại thị trường xuất khẩu, tích cực phát triển các thị trường mới, giảm bớt phụ thuộc vào Trung Quốc...

5.3. Về thiên tai và tác động của con người.

Những năm gần đây do biến đổi khí hậu, thời tiết nắng nhiều mưa ít và do nhiều quốc gia xây dựng nhiều đập thủy điện chặn giữ nước trên đầu thượng nguồn sông Mê Kông, dẫn đến lượng nước ngọt đổ về quá ít, thậm chí tình trạng ngập mặn ở Đồng bằng Sông Cửu Long còn xảy ra liên tục và đáng báo động. Tình hình này khiến cá tra dễ bị bệnh, chậm lớn và size cá khi thu hoạch thường không đồng đều, khiến việc đóng hàng xuất khẩu mất thời gian dài hơn và khâu quản lý, đánh dấu size thành phẩm vất vả hơn.

5.4. Về chính trị.

Các vấn đề bất ổn địa chính trị gần đây đã đẩy đến các cuộc xung đột và chiến tranh, đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng lương thực, thực phẩm ra thế giới, chi phí vận chuyển bị tăng lên chóng mặt, khiến nhiều doanh nghiệp xuất nhập khẩu phải tăng giá bán, dẫn đến việc xuất nhập khẩu giảm xuống. Bên cạnh đó, việc quay trở lại lãnh đạo Nhà trắng của tổng Thống Mỹ ông Donald Trump dự báo cho các cuộc chiến tranh thương mại có thể quay trở lại, điều này sẽ càng làm tổn thương nghiêm trọng hơn cho nền kinh tế thế giới khi mà thuế xuất nhập khẩu sẽ tăng lên.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024.**1. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh.****1.1. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm 2024.**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch		Theo kết cấu		
			Tăng/ giảm	Tỉ lệ (%)	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.224	7.142	(82,0)	-1,14%	100%	100%	0,00%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2,9	5,3	2,4	82,76%	0,04%	0,07%	0,03%
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.221	7.137	(84,4)	-1,17%	99,96%	99,93%	-0,03%
4. Giá vốn hàng bán	6.697	6.578	(119,0)	-1,78%	92,70%	92,10%	-0,60%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	525	559	34,0	6,48%	7,27%	7,83%	0,56%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	217,5	179,0	(38,5)	-17,70%	3,01%	2,51%	-0,50%
7. Chi phí tài chính	411,6	360,0	(51,6)	-12,54%	5,70%	5,04%	-0,66%
Trong đó: Chi phí lãi vay	362,1	309,0	(53,1)	-14,66%	5,01%	4,33%	-0,69%
8. Chi phí bán hàng	131,9	188,8	56,9	43,14%	1,83%	2,64%	0,82%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	90	82	(8,0)	-8,89%	1,25%	1,15%	-0,10%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	108,8	106,5	(2,3)	-2,11%	1,51%	1,49%	-0,01%
11. Thu nhập khác	13,1	11,5	(1,6)	-12,21%	0,18%	0,16%	-0,02%
12. Chi phí khác	14,7	9,8	(4,9)	-33,33%	0,20%	0,14%	-0,07%
13. Lợi nhuận khác	(1,6)	1,7	3,3	206%	-0,02%	0,02%	0,05%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	107,2	108,2	1,0	0,93%	1,48%	1,51%	0,03%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33,8	35,5	1,7	5,03%	0,47%	0,50%	0,03%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	0,1	0,00%	0,00%	0,00%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73,4	72,7	(0,7)	-0,95%	1,02%	1,02%	0,00%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	245	248	3,0	1,22%	3,39%	3,47%	0,08%

Về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Tổng doanh thu năm 2024 đạt 7.142 tỷ đồng, giảm 82 tỷ đồng so với năm 2023, tương ứng với tỉ lệ giảm 1,14%. Nguyên nhân chính là do chi phí vận chuyển vẫn còn rất cao do bất ổn địa chính trị, khiến nhu cầu tiêu dùng vẫn ở mức cầm chừng, chưa có đột biến tăng mạnh. Bên cạnh đó, một phần là do Công ty chủ động giảm xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc đầy rủi ro và biên lợi nhuận thấp để tập trung vào các thị trường mới tiềm năng hơn.

Về giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp: Do giá cả tra nguyên liệu trên thị trường từ những tháng cuối năm 2023 chững lại và không có biến động nhiều, nên Công ty đã chủ động xây dựng giá nuôi liên kết với các hộ nông dân giảm xuống mức phù hợp. Điều này đã giúp cho giá vốn bán của Công ty cũng giảm nhẹ 1,78% tương ứng với giảm 119 tỷ đồng so với năm 2023. Tuy nhiên, cuối 2024 giá cả nguyên liệu bắt tăng mạnh về vùng 29.000 – 33.000 đồng/kg, sẽ giúp Công ty có lợi nhuận khá tốt trong năm 2025.

Về doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính giảm 38,5 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ giảm 17,7% so với năm 2023. Nguyên nhân là Công ty đã giảm nguồn tiền gửi tại các tổ chức tín dụng để đưa về đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Về chi phí tài chính: Chi phí tài chính giảm 51,6 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ 12,5% so với năm 2023. Nguyên nhân là do năm 2023 Công ty đã chủ động tìm kiếm được các nguồn tài chính có mức lãi suất rất thấp, ưu đãi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Về chi phí bán hàng: Chi phí bán hàng tăng 56,9 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ tăng 43,1% so với năm 2023. Nguyên nhân chính là do chi phí vận chuyển hàng hóa tăng cao (tăng 46,5 tỷ đồng so với năm 2023) và một phần là do Công ty tăng cường quảng bá và giới thiệu sản phẩm tại thị trường Mỹ, cũng như các thị trường mới tiềm năng khác để giảm dần sự phụ thuộc và thị trường Trung Quốc.

Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 8 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ giảm 8,9% so với năm 2023. Nguyên nhân là Công ty tiếp tục tinh gọn bộ máy điều hành và sản xuất, tăng cường tiết kiệm việc sử dụng điện, nước có hiệu quả.

Về lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 2,3 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ giảm 2,1% so với năm 2023. Nguyên nhân là do Công ty chủ động giảm các đơn hàng vào thị trường Trung Quốc, trong khi các thị trường mới như Mỹ vẫn chưa đạt được mức cân bằng với số lượng giảm trên, nên dẫn đến tỉ lệ giảm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.

1.2. Kết quả thực hiện so với kế hoạch.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tăng giảm so với năm 2023		Tăng giảm so với kế hoạch năm 2024	
				Số tuyệt đối	%	Số tuyệt đối	%
Doanh thu thuần	7.221	8.500	7.137	-84	-1,17%	-1.363	-16,04%
Tổng lợi nhuận sau thuế	73,4	275	72,7	-0,7	-0,95%	-202	-73,56%

Thị trường xuất khẩu cá tra Việt Nam tiếp tục trải qua nhiều khó khăn, thách thức, cùng với đà tăng trưởng chậm. Những thay đổi của thị hiếu người tiêu dùng theo chiều hướng giảm, sự điều chỉnh của thị trường, sự biến động của các yếu tố địa chính trị, chiến tranh, cước vận tải, thuế,...vẫn là các rào cản chính trong năm 2024.

Công ty I.D.I cũng không nằm ngoài vòng xoáy khó khăn trên khi nhiều động lực tăng trưởng chính chậm lại, thị trường Trung Quốc (từng là thị trường lớn nhất của I.D.I) dần chuyển sang ưu tiên dùng hàng hóa nội địa, khi mà nguy cơ các cuộc chiến tranh thương mại với Mỹ được dự báo trở lại và tăng nhiều hơn sau khi cuộc bầu cử tổng thống Mỹ cuối năm 2024 đã rõ kết quả.

1.3. Hoạt động sản xuất, kinh doanh.

1.3.1. Cơ cấu doanh thu trong năm.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	KHOẢN MỤC	Năm 2023		Năm 2024	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	2.896	40,09%	2.775	38,85%
2	Doanh thu bột cá, mỡ cá	2.885	39,94%	2.896	40,55%
3	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	1.372	18,99%	1.418	19,85%
4	Doanh thu cung cấp dịch vụ	70	0,97%	53	0,74%
5	Doanh thu bất động sản đầu tư	0,4	0,01%	0,2	0,00%
Tổng Cộng		7.223	100%	7.142	100%

Trong cơ cấu doanh thu, lĩnh vực thủy sản giữ vị trí chủ đạo, chiếm 99,26% trong năm 2024 cho thấy Công ty vẫn hoạt động tập trung và chuyên sâu vào lĩnh vực thủy sản.

Doanh thu lĩnh vực thủy sản năm 2024 giảm hơn 64 tỷ đồng, tương đương giảm 0,89% so với năm 2023. Đây là kết quả tối ưu nhất trong tình trạng còn nhiều khó khăn, thách thức cho ngành thủy sản. Để đạt được kết quả này, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty đã phải liên tục chỉ đạo, điều hành và thay đổi quyết sách phù hợp với năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, để duy trì sản xuất kinh doanh có hiệu quả trong năm 2024.

1.3.2. Cơ cấu chi phí giá vốn

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	KHOẢN MỤC	Năm 2023		Năm 2024	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	2.586	39,32%	2.511	38,18%
2	Giá vốn bột cá, mỡ cá	2.771	42,13%	2.809	42,71%
3	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	1.287	19,57%	1.206	18,34%
4	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	51	0,78%	51	0,78%
5	Giá vốn kinh doanh Bất động sản đầu tư	0,36	0,01%	0,09	0,00%
6	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0,0	0,00%	-0,3	0,00%
Tổng Cộng		6.695	100%	6.577	100%

Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm lĩnh vực thủy sản chiếm tỷ trọng 99,23% trong năm 2024, giảm 118 tỷ đồng so với năm 2023. Nguyên nhân là do sức chi tiêu, tiêu dùng trên thị trường chững lại nên Công ty đã chủ động xây dựng giá nuôi liên kết giảm xuống, dẫn đến giá vốn hàng bán của Công ty giảm nhẹ khoảng 1,78% so với năm 2023.

2. Tổ chức và nhân sự.**2.1. Danh sách Ban Điều hành.****Ông Lê Văn Cảnh – Tổng Giám đốc**

- Ông Lê Văn Cảnh sinh năm 1975 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Ông từng công tác tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai. Từ năm 2010-2023, Ông làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I. Từ tháng 05 năm 2023 đến nay, Ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

- Số lượng cổ phần sở hữu: 13.282 cổ phần, chiếm 0,005% vốn Điều lệ.

**Bà Võ Thị Minh Tâm – Phó Tổng Giám Đốc**

- Bà Võ Thị Minh Tâm sinh năm 1966 tại Long Xuyên, An Giang. Bà từng công tác tại Công ty Hóa Mỹ Phẩm Pháp Mỹ, Công ty vận chuyển Transimex TP.HCM. Từ năm 2016 đến nay, Bà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.

**Ông Nguyễn Thanh Hải – Phó Tổng Giám Đốc**

- Ông Nguyễn Thanh Hải sinh năm 1988 tại Thọ Xuân, Thanh Hóa. Sau khi tốt nghiệp Cử Nhân Quản trị kinh doanh Trường California State University, Ông làm Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I. từ năm 2012. Từ năm 2015 đến nay, Ông làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

- Số lượng cổ phần sở hữu: 12.000.000 cổ phần, chiếm 5,27% vốn Điều lệ.

**Ông Lê Thế Tùng – Phó Tổng Giám Đốc**

- Ông Lê Thế Tùng sinh năm 1996 tại Long Xuyên, An Giang. Sau khi tốt nghiệp trường Boston University năm 2017, Ông công tác tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đến hết năm 2019. Từ năm 2020, Ông làm Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I. Từ năm 2022 đến nay, Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.



Ông Trương Công Khánh – Giám đốc tài chính

- Ông Trương Công Khánh sinh năm 1987 tại Lấp Vò, Đồng Tháp. Trước khi làm Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I, Ông từng làm tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành, Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản, Công Ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á, Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.



Ông Nguyễn Đức Phương – Kế toán trưởng

- Ông Nguyễn Đức Phương sinh năm 1994 tại Chợ Mới-An Giang. Sau khi tốt nghiệp cử nhân kế toán, Ông làm kế toán tổng hợp cho Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á từ năm 2016-2020. Từ tháng 09/2020 đến nay, Ông làm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.

2.2. Những thay đổi trong Ban Điều hành năm 2024.

- Không có

2.3. Nguồn nhân lực.

Tổng số cán bộ nhân viên và công nhân Công ty I.D.I cuối năm 2024 là 2.950 người, trong đó số lượng cán bộ, nhân viên là 322 người, còn lại là lực lượng lao động trong các nhà máy, phân xưởng phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty. Năm 2024, Công ty tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhân sự nhằm đảm bảo sử dụng nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Đối với khối văn phòng, thực hiện rà soát nhân sự các phòng ban, luân chuyển nhân sự dồi dư đến các bộ phận còn thiếu, để cán bộ kiêm nhiệm thêm công việc khi có người nghỉ việc mà không phải tuyển thêm nhân sự. Đối với khối sản xuất, thực hiện cải tiến quy trình sản xuất, áp dụng máy móc, công nghệ tự động hóa để giảm lao động ở các khâu trung gian. Chính vì vậy, lực lượng lao động năm 2024 của Công ty đã giảm khoảng 10% so với năm 2023, giúp Công ty cắt giảm được một khoản lớn chi phí, góp phần hạ giá thành sản phẩm.

3. Tình hình thực hiện đầu tư và thực hiện các dự án.

3.1. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2024.

3.1.1. Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Hoa Kỳ (Nhà máy số 03)

- Địa điểm xây dựng: Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I;
- Thời gian hoàn thành: Dự kiến trong Quý IV/2025 – Quý I/2026.
- Công suất thiết kế: 120 tấn nguyên liệu/ngày
- Tổng vốn đầu tư: 600.000.000.000 đồng.
- Nguồn vốn: Đầu tư bằng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu xanh

3.1.2. Đầu tư xây dựng trung tâm giống thủy sản công nghệ cao.

- Địa điểm đầu tư: Thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp và tỉnh An Giang
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I;
- Hình thức đầu tư: Nhận chuyển nhượng và nâng cấp cơ sở.
- Thời gian hoàn thành: Dự kiến trong Quý IV/2025.
- Tổng vốn đầu tư: 400.000.000.000 đồng.
- Nguồn vốn: Đầu tư bằng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu xanh;

3.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con.**3.2.1. Công ty mẹ.****Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai (ASM)**

- Vốn điều lệ: 3.701.782.500.000 đồng.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	20.307	22.856	2.549	12,55%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.973	12.013	40	0,33%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	319	339	20	6%
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	319	317	-2	-0,63%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	252	251	-1	-0,40%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	580	517	-63	-10,86%

(Nguồn: theo BCTC Hợp nhất đã soát xét năm 2024)

3.2.2. Công ty con**a. Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco).**

- Vốn điều lệ: 629.351.040.000 đồng.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	1.663	1.521	-142	-8,54%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.940	2.939	-1	-0,03%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	85	65,5	-19,5	-22,94%
4	Lợi nhuận khác	-1,89	-0,02	1,87	-98,94%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	83,30	65,50	-17,80	-21,37%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	75,30	58,80	-16,50	-21,91%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.433	898	-535	-37,33%

(Nguồn: theo BCTC Hợp nhất đã soát xét năm 2024)

b. Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đắk Nông.

- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/Giảm
1	Tổng giá trị tài sản	67,10	70,40	3,30
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	-
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-0,05	-0,04	0,01
4	Lợi nhuận khác	-0,42	-0,01	-0,40
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-0,48	-0,01	0,47
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-0,48	-0,01	0,47

(Nguồn: theo BCTC Hợp nhất đã soát xét năm 2024)



4. Tình hình tài chính Công ty I.D.I.**4.1. Tình hình tài chính năm 2024.**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	8.277	9.377	1100	13,29%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.221	7.137	-84	-1,16%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	109	106	-3	-2,75%
4	Lợi nhuận khác	(1,6)	1,7	3,3	206%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	107	108	1	0,93%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	73	73	0	0,00%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	245	248	3	1,22%

(Nguồn: theo BCTC Hợp nhất đã soát xét năm 2024)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh khoản.	1,22	1,53
+ Hệ số thanh toán ngắn:		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,88	1,27
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn		
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	0,59	0,63
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản		
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	4,65	5,11
+ Vòng quay hàng tồn kho:		
(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,87	0,76
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	0,01	0,01
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,02
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,01	0,01
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,01

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**5.1. Cổ phần.**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 273.172.668 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông được chuyển nhượng tự do.

5.2. Cơ cấu cổ đông.**5.2.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.**

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty I.D.I theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 14/03/2025 theo danh sách Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh gửi Công ty:

STT	Tên cổ đông	ĐKSH	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai - Đại diện pháp luật: Ông Lê Tuấn Anh	1600169024	326. Hùng Vương , TP.Long Xuyên, An Giang	139.934.916	51,23%
2	Nguyễn Thanh Hải	038088031329	72 Trần Nhật Duật, TP.Long Xuyên, An Giang	14.400.000	5,27%
Tổng cộng				154.334.916	56,50%

5.2.2. Cơ cấu cổ đông

Chi tiêu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:	273.172.668	100%
+ Cổ đông lớn	154.334.916	56,50%
+ Cổ đông nhỏ	118.837.752	43,50%
Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:	273.172.668	100%
+ Cổ đông tổ chức	141.698.604	51,87%
+ Cổ đông cá nhân	131.474.064	48,13%
Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:	273.172.668	100%
+ Cổ đông trong nước	270.950.630	99,19%
+ Cổ đông nước ngoài	2.222.038	0,81%
Cổ đông Nhà nước, cổ đông đặc biệt và cổ đông khác:	273.172.668	100%
+ Cổ đông Nhà nước	0	0,00%
+ Cổ đông đặc biệt (HĐQT, Ban Giám đốc, BKS....)	14.413.282	5,28%
+ Cổ đông khác	258.759.386	94,72%

(Nguồn: Theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập ngày 14/03/2025)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I báo cáo về quá trình tăng vốn kể từ khi hoạt động đến nay như sau:

- **Đăng ký lần đầu:** Vốn điều lệ hoạt động là 29 tỷ đồng.
- **Thay đổi lần 1:** Tăng từ 29 tỷ đồng lên 47,94 tỷ đồng, tăng thêm 18,94 tỷ đồng, tương đương 947 cổ phần (Mệnh giá: 20 triệu đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 027/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/02/2007.
- **Thay đổi lần 2:** Tăng từ 47,94 tỷ đồng lên 91,474 tỷ đồng, tăng thêm 43,534 tỷ đồng, tương đương 4.353.400 cổ phần (Mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 028/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/8/2007.
- **Thay đổi lần 3:** Tăng từ 91,474 tỷ đồng lên 228.107.040.000 đồng, tăng thêm 136.633.040.000 đồng tương đương 13.663.304 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số: 068/07-IDI ngày 18/9/2007.
- **Tăng vốn lần 4:** Tăng từ 228.107.040.000 đồng lên 380.000.000.000 đồng, tăng thêm 151.892.960.000 đồng tương ứng với số cổ phần là: 15.189.296 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty ngày 11/05/2010.
- **Tăng vốn lần 5:** Tăng từ 380.000.000.000 đồng lên 456.000.000.000 đồng, tăng thêm 76.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 7.600.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2014 ngày 09/05/2014.
- **Tăng vốn lần 6:** Tăng từ 456.000.000.000 đồng lên 855.000.000.000 đồng, tăng thêm 399.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 39.900.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2014 ngày 09/05/2014.
- **Tăng vốn lần 7:** Tăng từ 855.000.000.000 đồng lên 983.250.000.000 đồng, tăng thêm 128.250.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 12.8250.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2015 ngày 10/05/2015.
- **Tăng vốn lần 8:** Tăng từ 983.250.000.000 đồng lên 1.816.096.710.000 đồng, tăng thêm 832.846.710.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 83.284.671 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2015 ngày 10/05/2015.
- **Tăng vốn lần 9:** Tăng từ 1.816.096.710.000 đồng lên 1.979.534.200.000 đồng, tăng thêm 163.437.490.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 16.343.749 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2018 ngày 27/04/2018.
- **Tăng vốn lần 10:** Tăng từ 1.979.534.200.000 đồng lên 2.276.446.080.000 đồng, tăng thêm 296.911.880.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 29.691.188 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2019 ngày 25/04/2019.
- **Tăng vốn lần 11:** Tăng từ 2.276.446.080.000 đồng lên 2.731.726.680.000 đồng, tăng thêm 455.280.600.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 45.528.060 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/2024/NQ-ĐHCĐ ngày 22/04/2024.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1. Tác động lên môi trường.

- Tổng phát thải khí nhà kính: Không có
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm 2024 của Công ty I.D.I là 61.445 tấn cá nguyên liệu.

- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế, được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng.

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty trong năm 2024 là: 32.022.139 kWh điện lưới quốc gia và 1.342.235 KW điện năng lượng mặt trời.
- Năm 2024, Công ty sử dụng 99.052 lít dầu DO.
- Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng trong sản xuất của bộ phận nhà máy:
 - + Quản lý vận hành thiết bị điện năng tiết kiệm, hiệu quả và tránh lãng phí.
 - + Thay thế các thiết bị tiết kiệm điện năng như bóng đèn LED, gắn pin năng lượng mặt trời hấp thụ nhiệt năng ban ngày để chiếu sáng các bóng đèn bên trong và ngoài Công ty về ban đêm.
 - + Công ty đã đầu tư lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái công suất 1,06 MWH.

6.4. Tiêu thụ nước.

- Năm 2024, Công ty sử dụng khoảng 426.700 m³ nước sạch.
- Công ty không tái chế lượng nước đã sử dụng để đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt nhất xuất khẩu sang các thị trường khó tính.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Số lần bị xử phạt vi phạm các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

Có thể khẳng định thành tựu mà I.D.I đã và đang có được trong nhiều năm qua đều được tạo nên từ một trong những tài sản quý giá nhất của Công ty đó chính là nguồn nhân lực. Tại I.D.I các cán, bộ nhân viên và người lao động được làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, công bằng, minh bạch, được tôn trọng, lắng nghe và ghi nhận. Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động gắn bó, chia sẻ và cống hiến cho tập thể chung cùng phát triển.

Tính đến ngày 31/12/2024, I.D.I có khoảng 2.950 cán bộ, nhân viên và người lao động. Đội ngũ nhân sự ngày càng chất lượng và trình độ chuyên môn cao. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã đạt được các tiêu chuẩn quốc tế có yêu cầu cao về chính sách cho người lao động như BSCI, BAP, ASC... Đây là yếu tố tiên quyết để sản phẩm của Công ty được xuất khẩu vào các thị trường lớn như Mỹ, EU... những nơi có tiêu chuẩn rất cao về chính sách cho người lao động.

BẢNG CƠ CẤU LAO ĐỘNG

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ	2.950	100,00%
1	Đại học và Trên Đại học	174	5,90%
2	Cao Đẳng	77	2,61%
3	Trung cấp	71	2,41%
4	Khác	2.628	89,08%
B	Theo giới tính	2.950	100,00%
1	Nam	1.250	42,37%
2	Nữ	1.700	57,63%

BẢNG THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)			
- Cán bộ, nhân viên	13.000.000	13.200.000	13.500.000
- Công nhân nhà máy	7.500.000	7.700.000	8.000.000

- Các chính sách, phúc lợi:

+ Người lao động làm việc tại I.D.I đều được ký kết hợp đồng lao động, được tham gia đầy đủ chế độ BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp và được bố trí việc làm phù hợp với chuyên môn và khả năng của mỗi người. Không có lao động nào bị cưỡng bức hoặc lao động không tự nguyện.

+ Thu nhập của người lao động qua các năm ngày một tốt hơn.

+ Về điều kiện làm việc, an toàn vệ sinh lao động: người lao động được đào tạo, được hướng dẫn quy trình làm việc trước khi vào làm, được cấp phát bảo hộ lao động phù hợp với vị trí công việc, được tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc trong môi trường độc hại đúng theo quy định.

+ Công ty luôn duy trì lương tháng 13 cho người lao động hàng năm. Tặng quà Tết cuối năm cho người lao động vui xuân cùng gia đình.

+ Hỗ trợ xăng xe hoặc tiền trợ cho người lao động ở xa đến Công ty làm việc. Hỗ trợ tiền phà, đò cho người lao động trên tuyến đường đến Công ty làm việc phải đi qua phà, đò.

+ Hỗ trợ suất ăn giữa ca cho tất cả CBCNV, bố trí hai nhà ăn thoáng mát hợp vệ sinh. Các món ăn luôn đa dạng, được luân phiên nhằm đảm bảo đầy đủ các chất dinh dưỡng, hợp vệ sinh, an toàn thực phẩm để người lao động có sức khỏe tốt và làm việc hiệu quả.

+ Kết hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho công đoàn viên và người lao động khi có ốm đau, hiếu hỉ kịp thời và thường xuyên.

+ Duy trì các chính sách quan tâm đến lao động nữ như: Chăm sóc sức khỏe sinh sản phụ nữ, hỗ trợ lao phụ nữ sau sinh; Tặng quà cho lao động nữ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Phụ nữ Việt Nam 20/10.

+ Tổ chức các hoạt động lễ hội, sinh hoạt tập thể, tổ chức cho CBCNV cùng gia đình đi thăm quan, nghỉ mát... qua đó CBCNV cũng sẽ có cơ hội hiểu nhau hơn và phát huy được tinh thần làm việc nhóm hiệu quả hơn.

+ Thành lập Quỹ hỗ trợ CBCNV gặp khó khăn với mục đích trợ cấp, hỗ trợ (một lần hoặc lâu dài) cho những CBCNV và người thân trong gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Khen thưởng

+ Định kỳ cuối năm, Công ty tổ chức bình xét khen thưởng đối với các phòng ban, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm.

+ Khen thưởng đột xuất đối với cá nhân có sáng kiến áp dụng hiệu quả vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động, cải thiện công tác quản lý.

- Hoạt động đào tạo người lao động.

+ Công ty nhận thức được rằng một phần quan trọng trong chiến lược xây dựng tăng trưởng ổn định và bền vững thì yếu tố cốt lõi là nguồn nhân lực. Công ty không chỉ tập trung đầu tư vào các

khóa đào tạo chuyên môn mà còn thúc đẩy sự giao lưu trao đổi kinh nghiệm giữa các nhân viên. Các hoạt động này không chỉ nâng cao trình độ mà còn khuyến khích sự sáng tạo, đổi mới trong công việc. Đồng thời, I.D.I không ngừng cập nhật kiến thức và kỹ năng vận hành máy móc thiết bị cho người lao động để đáp ứng sự phát triển của công nghệ. Việc áp dụng khoa học, công nghệ mới không chỉ giúp tăng hiệu suất làm việc mà còn đảm bảo rằng doanh nghiệp đang đáp ứng được mọi yêu cầu và thách thức trong môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh.

+ Thường xuyên cử Cán bộ tham dự các lớp đào tạo trong và ngoài nước do VCCI và các cơ quan, hiệp hội tổ chức để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Đào tạo, bồi dưỡng về HACCP, GMP, SQF, kỹ năng quản lý, kỹ năng nghiệp vụ cho công nhân và nhân viên tại nhà máy.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Năm 2024, Công ty tham gia hỗ trợ một số chương trình an sinh xã hội như sau:

- Ủng hộ chương trình “Cây mùa xuân cho trẻ em nghèo tỉnh Đồng Tháp” nhân dịp Tết nguyên Đán do Quỹ Đền ơn đáp nghĩa và Bảo trợ trẻ em tỉnh Đồng Tháp phát động với tổng số tiền là 60.000.000 đồng.

- Tham gia chương trình an sinh xã hội do Khối thi đua 10B tỉnh Đồng Tháp phát động là 8.500.000 đồng.



6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh.

Năm 2024, Công ty đã kết nối và phát hành thành công với gói trái phiếu xanh 1.000 tỷ đồng tài trợ cho dự án xây dựng mới nhà máy Chế biến thủy sản Hoa Kỳ (Nhà máy số 03) và xây dựng mới Trung tâm giống thủy sản công nghệ cao. Đây là gói trái phiếu xanh đầu tiên về lĩnh vực thủy sản của khu vực Đông Nam Á, mở ra cơ hội lớn cho Công ty tiếp tục tiếp cận các gói trái phiếu xanh trong tương lai và hướng tới mục tiêu Net Zero của Chính phủ Việt Nam.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

1.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024.

Tổng số lượng hàng xuất bán (Tấn)	Tỷ lệ các sản phẩm bán ra trên khối lượng (gross)	Tổng doanh thu Xuất khẩu (USD)	Tỷ lệ đạt so với kế hoạch 2024 về doanh thu
50.524	* Fillets: 85 % * Sản phẩm khác từ cá tra: 15%	102.140.000	75%

Trước diễn biến tiếp diễn các cuộc chiến tranh địa chính trị, gây bất ổn cho nền kinh tế Thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, chi phí vận chuyển, chi phí xuất nhập khẩu tăng cao, chỉ số lạm phát vẫn còn khá cao,...nhưng xuất khẩu cá tra Việt Nam năm 2024 đã có nhiều chuyển biến tích cực hơn. Tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra Việt Nam năm 2024 đạt hơn 2 tỷ USD, tăng 11% so với năm 2023. Các thị trường nhập khẩu cá tra lớn nhất vẫn là Trung Quốc đạt 580 triệu USD (tăng 1,2% so với năm 2023); Mỹ đạt 345 triệu USD (tăng 27,3% so với năm 2023); các nước CPTPP đạt 274 triệu USD, tăng 10% .

Doanh thu xuất khẩu năm 2024 của Công ty I.D.I đạt hơn 102 triệu USD, giảm 5,5% so với năm 2023. Sự suy giảm doanh thu xuất khẩu của Công ty I.D.I chủ yếu đến từ thị trường Trung Quốc đại lục, từ vị trí đứng đầu chiếm 38.65% doanh thu xuất khẩu của Công ty vào năm 2023 tụt xuống mức 22% vào năm 2024. Mexico trở thành thị trường quan trọng nhất của I.D.I trong năm 2024 chiếm gần 25% doanh thu xuất khẩu. Hầu hết các thị trường chủ lực khác của I.D.I đều có sự tăng trưởng trong năm 2024, tuy nhiên vẫn chưa bù đắp lại được sự sụt giảm của Trung Quốc.

Trước những biểu hiện về các chính sách không ổn định, rất nhạy cảm về giá và có biên lợi nhuận thấp từ thị trường Trung Quốc, Ban lãnh đạo Công ty I.D.I đã quyết định chuyển dịch dần sang các thị trường mới để giảm dần sự phụ thuộc vào thị trường đông dân nhất thế giới này.

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được.

1.2.1. Nguyên vật liệu.

Công ty đang xây dựng trung tâm giống thủy sản công nghệ cao, từ đây sẽ chọn lọc và cho ra những con giống có sức đề kháng và chất lượng tốt nhất để cung cấp cho các vùng nuôi liên kết rộng lớn của Công ty với các hộ nuôi cá. Từ đây, sẽ bắt đầu kiểm soát được chi phí chăn nuôi với hệ số thức ăn tốt nhất, giảm giá thành cá nguyên liệu đầu vào và tăng cao sức cạnh tranh cho Công ty vào các thị trường chủ lực và tiềm năng.

Với việc chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào đã giúp cho Công ty ổn định hoạt động sản xuất của 2 nhà máy hiện tại. Đặc biệt vào những thời điểm giá cá nguyên liệu tăng cao, nguồn nguyên liệu ngoài thị trường trở nên khan hiếm từ quý 4/2024 trở đi đã mang lại lợi thế kinh doanh rất lớn cho Công ty ngay từ đầu năm 2025.

1.2.2. Trình độ công nghệ.

Dây chuyền và trang thiết bị chế biến hiện đại. Chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế. Nhà máy nằm ở trung tâm vùng nguyên liệu và nguồn nhân lực chế biến cá tra nằm trong một cụm công nghiệp riêng nên dễ dàng mở rộng phát triển.

Vận chuyển cá nguyên liệu đến dây chuyền chế biến, đường đi của bán thành phẩm rất hợp lý, đơn giản hóa công tác quản lý và tiết kiệm chi phí. Không gian bên ngoài sản xuất gọn gàng, sạch sẽ và mỹ quan, thân thiện với môi trường.

Thiết bị cấp đông và chế biến xuất xứ từ Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ, hoạt động ổn định, sản xuất hàng chất lượng cao, cho phép bán tự động và tự động hóa các hoạt động sản xuất. Công nhân

có kỹ năng lao động lành nghề. Cán bộ quản lý sản xuất là những người có kinh nghiệm làm việc lâu năm đem đến giá thành sản xuất hợp lý và thấp nhất.

1.2.3. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty đang áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP do Việt Nam quy định, được Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Nafiqad) công nhận và cấp code EU DL 479 chứng nhận hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Đặc biệt, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001-2018, IFS, BRC, ASC, BAP, BSCI, HACCP, HALAL, FDA, ISO 17025. . . Đây là bằng chứng với khách hàng, là hàng hóa sản xuất ra đạt chất lượng tốt, đáp ứng các qui định khắt khe nhất của thị trường thế giới.

1.2.4. Hoạt động Marketing.

- Công ty luôn tích cực tham gia các hội chợ thủy sản lớn trong nước và quốc tế. Tham gia các kỳ xúc tiến Thương mại ở nước ngoài do VASEP và VCCI tổ chức với các điều kiện an toàn cho phép như:

- + Tháng 3 (07/03 - 13/03/2024): Hội chợ Boston tại Mỹ.
- + Tháng 4 (23/04 - 25/04/2024): Hội chợ Thủy sản Toàn Cầu Barcelona tại Tây Ban Nha.
- + Tháng 5 (28/05 – 01/06/2024): Hội chợ ThaiFex tại Thái Lan.
- + Tháng 9 (04/09 - 06/09/2024): Hội chợ thủy sản Châu Á 2023 tại Singapore.
- + Tháng 10 (30/10 – 01/11/2024): Hội chợ Thanh Đảo tại Trung Quốc.
- + Tháng 11 (06/11 - 08/11/2024): Hội chợ Thủy sản và Nghề cá Busan tại Hàn Quốc.

- Tổ chức đăng tải các bài viết quảng cáo về các sản phẩm của Công ty trên các báo quốc tế, đăng tải trên các trang web chuyên ngành thủy sản.





2. Tình hình tài chính.

2.1. Phân tích tình hình tài sản.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng tài sản	7.554	8.084	8.277	9.377
Doanh thu thuần	5.719	7.931	7.221	7.137
Lợi nhuận trước thuế	181	618	107	108

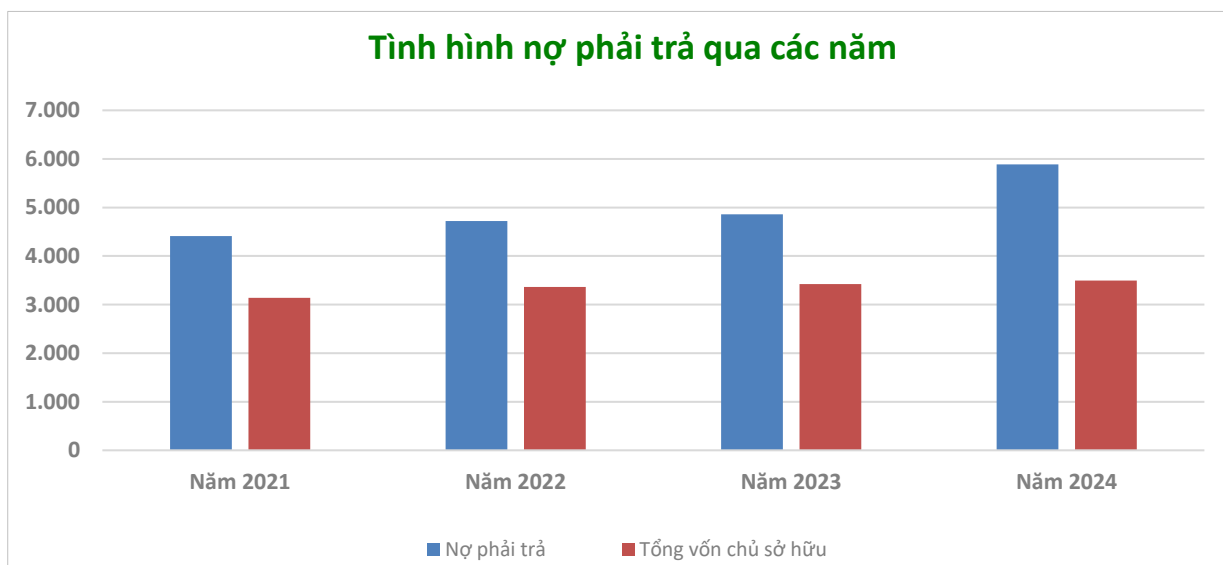
Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Hiệu quả sử dụng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	75,71%	98,10%	87,24%	76,11%
Tỉ suất sinh lời tài sản (Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản)	2,40%	7,64%	1,29%	1,15%

Từ bảng phân tích hiệu quả sử dụng tài sản qua các năm, ta thấy hiệu quả sử dụng 1 đồng tài sản của Công ty trung bình luôn đạt trên 75% doanh thu thuần, cho thấy Công ty luôn sử dụng từng đồng tài sản đạt hiệu quả tốt và luôn có trách nhiệm cao với từng đồng tài sản bỏ ra.

2.2. Tình hình nợ phải trả.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Nợ phải trả	4.411	4.718	4.856	5.885
Tổng vốn chủ sở hữu	3.143	3.366	3.422	3.492
Tổng cộng nguồn vốn	7.554	8.084	8.278	9.377



Nợ phải trả năm 2024 của Công ty tăng 21% so với năm 2023. Nguyên nhân là quý 4/2024 Công ty đã phát hành thành công gói trái phiếu xanh 1.000 tỷ đồng để đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản số 03 và xây dựng trung tâm giống thủy sản công nghệ cao. Công ty luôn cam kết sử dụng có hiệu quả nhất đối với từng đồng vốn đi vay và thực hiện thanh toán đúng thời hạn ký kết trên các hợp đồng kinh tế với khách hàng, cũng như thanh toán đúng thời hạn trên các khế ước nhận nợ của các Tổ chức tín dụng, Ngân hàng nên chưa từng xảy ra tình trạng nợ phải trả quá hạn.

3. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2025 (Riêng Công ty mẹ).

- Mục tiêu, định hướng kinh doanh.

+ Giữ vững khách hàng và thị phần, đồng thời mở rộng thị trường tiềm năng, phát triển thị trường Mỹ, tích cực phát triển thị trường mới.

+ Nâng công suất sản xuất của nhà máy và nâng doanh thu xuất khẩu thủy sản của Công ty đạt mức 121,4 triệu USD và đạt lợi nhuận sau thuế là 100 tỷ đồng.

+ Đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh tạo công việc ổn định cho người lao động trong vùng.

+ Tiếp tục phấn đấu nâng thứ hạng của Công ty I.D.I lên Top 2 Công ty chế biến và xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam.

- Khối lượng tiêu thụ theo kế hoạch năm 2025:

Đơn vị tính: Tấn

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cát khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
1	756	1.386	252	126	504	168	168	3.360
2	756	1.386	252	126	504	168	168	3.360
3	771	1.413	257	128	514	171	171	3.425
4	781	1.431	260	130	521	173	173	3.469
5	650	1.561	260	130	521	173	173	3.468
6	650	1.561	260	130	521	173	173	3.468
7	650	1.561	260	130	521	173	173	3.468
8	650	1.561	260	130	521	173	173	3.468
9	691	1.659	277	138	553	184	184	3.686
10	691	1.659	277	138	553	184	184	3.686
11	732	1.757	293	146	586	195	195	3.904
12	878	1.610	293	146	586	195	195	3.903
Tổng	8.656	18.545	3.201	1.598	6.405	2.130	2.130	42.665

- Doanh thu xuất khẩu theo kế hoạch năm 2025:

Đơn vị tính : USD

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng doanh thu
1	2.419.200	4.296.600	680.400	340.200	1.159.200	336.000	336.000	9.567.600
2	2.419.200	4.296.600	680.400	340.200	1.159.200	336.000	336.000	9.567.600
3	2.467.200	4.380.300	693.900	345.600	1.182.200	342.000	342.000	9.753.200
4	2.499.200	4.436.100	702.000	351.000	1.198.300	346.000	346.000	9.878.600
5	2.080.000	4.839.100	702.000	351.000	1.198.300	346.000	346.000	9.862.400
6	2.080.000	4.839.100	702.000	351.000	1.198.300	346.000	346.000	9.862.400
7	2.080.000	4.839.100	702.000	351.000	1.198.300	346.000	346.000	9.862.400
8	2.080.000	4.839.100	702.000	351.000	1.198.300	346.000	346.000	9.862.400
9	2.211.200	5.142.900	747.900	372.600	1.271.900	368.000	368.000	10.482.500
10	2.211.200	5.142.900	747.900	372.600	1.271.900	368.000	368.000	10.482.500
11	2.342.400	5.446.700	791.100	394.200	1.347.800	390.000	390.000	11.102.200
12	2.809.600	4.991.000	791.100	394.200	1.347.800	390.000	390.000	11.113.700
Tổng	27.699.200	57.489.500	8.642.700	4.314.600	14.731.500	4.260.000	4.260.000	121.397.500

- Kế hoạch sản xuất năm 2025:

Đơn vị tính: Tấn

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
1	759	1.392	253	127	506	169	169	3.375
2	759	1.392	253	127	506	169	169	3.375
3	774	1.419	258	129	516	172	172	3.440
4	784	1.437	261	131	523	174	174	3.484
5	653	1.568	261	131	523	174	174	3.484
6	653	1.568	261	131	523	174	174	3.484
7	653	1.568	261	131	523	174	174	3.484
8	653	1.568	261	131	523	174	174	3.484
9	694	1.666	278	139	555	185	185	3.702
10	694	1.666	278	139	555	185	185	3.702
11	735	1.764	294	147	588	196	196	3.920
12	882	1.617	294	147	588	196	196	3.920
Tổng	8.693	18.625	3.213	1.610	6.429	2.142	2.142	42.854

- Kế hoạch nguyên liệu đầu vào.

Đơn vị tính: Tấn

Tháng	Khối lượng cá T1	Khối lượng cá T2	Tổng số nguyên liệu/tháng
1	4.393	2.365	6.758
2	4.393	2.365	6.758
3	4.478	2.411	6.889
4	4.535	2.442	6.977
5	4.186	2.791	6.977
6	4.186	2.791	6.977
7	4.186	2.791	6.977
8	4.186	2.791	6.977
9	4.448	2.965	7.413
10	4.448	2.965	7.413
11	4.710	3.140	7.850
12	5.103	2.748	7.851
Tổng	53.252	32.565	85.817

- Dự kiến sản lượng thức ăn tiêu thụ trong năm 2025.

Đơn vị tính: Tấn

Tháng	Thức ăn 3 ly 28% đậm	Thức ăn 5 ly 26% đậm	Tổng Cộng
1	2.300	16.671	18.971
2	2.300	6.000	8.300
3	2.300	6.000	8.300
4	2.200	6.500	8.700
5	2.200	6.500	8.700
6	2.100	7.000	9.100
7	2.100	7.500	9.600
8	2.100	7.500	9.600
9	2.100	7.500	9.600
10	2.100	7.700	9.800
11	2.000	8.000	10.000
12	2.000	8.588	10.588
Tổng	25.800	95.459	121.259

- Dự kiến giá bán thức ăn tiêu thụ trong năm 2025

STT	Loại thức ăn	Đồng/kg
1	Thức ăn 3 ly 28% đậm	13.200
2	Thức ăn 5 ly 26% đậm	12.200

- Dự báo doanh thu từ kinh doanh thức ăn trong năm 2025:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tháng	Thức ăn 3 ly 28% đậm	Thức ăn 5 ly 26% đậm	Tổng Cộng
1	30	81	112
2	30	90	121
3	30	90	121
4	29	92	121
5	29	92	121
6	28	98	125
7	28	98	125
8	28	98	125
9	28	104	131
10	28	104	131
11	26	110	136
12	26	110	136
Tổng	341	1.165	1.505

- Dự báo kết quả kinh doanh năm 2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	BCTC 2024 Hợp nhất	Kế hoạch 2025		
		IDI	Trisedco	Hợp nhất kế hoạch 2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.142	5.002	3.000	8.002
2. Giá vốn hàng bán	6.578	4.289	2.880	7.169
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	559	713	120	833
4. Doanh thu hoạt động tài chính	179	100	55	155
5. Chi phí tài chính	360	500	72	572
6. Chi phí bán hàng	189	161	25	186
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	82	50	8	58
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	106	102	70	172
9. Thu nhập khác	11,5	15	1	16
10. Chi phí khác	9,8	5	0	5
11. Lợi nhuận khác	1,6	11	1	12
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35	12	0	12
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	72,6	100	70	170

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.**4.1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải.****4.1.1. Xử lý nước thải.**

- Công ty có 01 công trình xử lý nước thải công suất thiết kế $3.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, quy trình xử lý và quy mô công suất không thay đổi so với trước đây. Hiện tại hệ thống xử lý nước thải Công ty I.D.I đang tiếp nhận và xử lý nước thải từ 04 Nhà máy trong Cụm Công Nghiệp Vàm Cống với lưu lượng nước thải phát sinh hàng ngày .

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh trong năm 2024 là $426.700\text{ m}^3/\text{năm}$ (Bình quân khoảng $1.673\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$). Và năm gần nhất 2023 là $394.480\text{ m}^3/\text{năm}$ (Bình quân khoảng $1.535\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$).

- Tổng lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường là 810.000 m^3 (tương đương $2.700\text{m}^3/\text{ngày đêm}$).

- Kết quả vận hành hệ thống xử lý nước thải:

Hiện tại hệ thống xử lý nước thải của Công ty đang được vận hành liên tục và hoạt động ổn định đáp ứng tốt việc xử lý nước thải phát sinh từ 4 Nhà máy sản xuất nêu trên.

Căn cứ vào kết quả quan trắc phân tích mẫu nước thải sau khi đi qua hệ thống xử lý nước thải cho thấy hầu hết các chỉ tiêu đều nằm dưới ngưỡng cho phép theo QCVN 11-MT: 2015/BTNMT, Cột A.

4.1.2. Kết quả quan trắc nước thải.

Tổng hợp kết quả quan trắc theo từng đợt quan trắc (quan trắc định kỳ).

- Đối với nước thải sau xử lý của Công ty kết quả phân tích mẫu trong 4 đợt quan trắc trong năm 2024 các thông số đều đạt theo QCVN11-MT: 2015/BTNMT, Cột A.

- Đối với nước mặt quan trắc tại 03 điểm trong lưu vực xả thải là: tại công xả thải, cách cống xả thải 0,3km về phía thượng nguồn và cách cống xả thải 0,3km về phía hạ nguồn Sông Hậu.

4.1.3. Quan trắc nước thải liên tục, tự động: Công ty đang triển khai lắp đặt.

4.2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải.**4.2.1. Xử lý khí thải.**

Công ty không có công trình phát sinh khí thải ra môi trường.

4.2.2. Kết quả quan trắc khí thải.**4.2.2.1 Kết quả quan trắc định kỳ.**

- Thời gian quan trắc: 04 đợt ngày 05/3/2024; 04/6/2024; 09/9/2024 và 11/11/2024.

- Tần suất quan trắc: là 03 tháng/lần.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: Không có.

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc: Chất lượng không khí tại các khu vực của Công ty qua kết quả phân tích mẫu trong 4 đợt quan trắc năm 2024 cho thấy các thông số hầu hết đều đạt theo QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình trong 1 giờ); QCVN 24:2016/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

4.2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không có.

4.3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

4.3.1 Chất thải rắn sinh hoạt (Rác thải):

Công ty đã ký hợp đồng thu gom và xử lý rác thải đối với Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Chi nhánh Dịch vụ Môi trường và Công ty TNHH DV Công Ích Sài Gòn Xanh.

4.3.2 Chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Cá tra nguyên liệu không đạt tiêu chuẩn sản xuất và phụ phẩm của quá trình chế biến: Công ty ký hợp đồng mua bán với các đối tác như:

- Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy hải sản Sạch.
- Công ty TNHH MTV Ngọc Thảo (Số: 68 Mậu Thân, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ.)
- Hộ kinh doanh Điềm thu mua phế liệu Mai (Số: 27 Trần Văn Thạnh, Đông Thành, Đông Xuyên, TP Long Xuyên, An Giang)

4.4. Về quản lý chất thải nguy hại:

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

(i) Phương pháp xử lý áp dụng đối với từng CTNH: PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn).

a) Thống kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có): Không có.

b) Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có): Không có.

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới:

+ Trong hoạt động sản xuất của các nhà máy phát sinh chất thải nguy hại, công ty cho thu gom, phân loại và lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại của công ty.

+ Trong kỳ tới công ty sẽ tiếp tục ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Chân Lý hoặc đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo qui định. Định kỳ 06 tháng/ lần thu gom về xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Kết quả quan trắc bùn thải, chất thải rắn có chứa thành phần nguy hại loại 1 sao (nếu có): Không có.

4.5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Trong suốt thời gian qua cho tới nay Công ty I.D.I không bị sự cố Môi trường nào.

4.6. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)

Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty.

- **Tình hình vùng nuôi:** Đã thực hiện tốt công tác giám sát chặt chẽ việc giao nhận thức ăn cho cá tra đúng và đủ khối lượng nhu cầu sử dụng, theo dõi tình hình phát triển của cá tra nguyên liệu. Đảm bảo cung cấp đạt trên 80% nhu cầu sản xuất của Công ty.

- **Tình hình thu mua nguyên liệu:** Luôn cập nhật giá cá nguyên liệu biến động hàng ngày để có thể chốt được giá liên kết hợp lý nhất. Cân đối linh hoạt việc thu mua nguyên liệu giá thấp trên thị trường để đáp ứng đủ các đơn hàng xuất khẩu và tận dụng làm sản phẩm chiến lược.

- **Tình hình phát triển thị trường:** Luôn đáp ứng các nhu cầu của khách hàng để duy trì khách hàng cũ, khách hàng tiềm năng, đồng thời vẫn tìm kiếm thị trường mới nên các sản phẩm của Công ty vẫn đi đến 48 quốc gia trên thế giới trong năm 2024.

- **Về tác động môi trường:** Công ty có các giải pháp bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức khác nhau như luôn đảm bảo xử lý nước thải theo đúng quy định, thường xuyên quét dọn, vệ sinh môi trường trong và ngoài nhà máy sản xuất, thuê công ty thu gom xử lý rác thải thường xuyên vào Công ty xử lý rác thải, tích cực trồng thêm nhiều cây xanh dọc đường đi, xung quanh nhà các nhà máy, trụ sở làm việc và khuôn viên... Bên cạnh đó, Công ty đã lắp đặt được 1,06MW năng lượng điện mặt trời áp mái, gắn trên mái các nhà máy, kho xưởng, tòa nhà văn phòng, giúp thay thế một phần sử dụng điện lưới quốc gia.

- **Về trách nhiệm với cộng đồng và xã hội:** Mục tiêu và phương hướng hoạt động của Công ty là phát triển bền vững, đồng thời thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Công ty luôn quan tâm đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên luôn được nâng cao cả về vật chất và tinh thần, xây dựng môi trường làm việc năng động trẻ trung và có nhiều cơ hội phát triển. Công ty cũng đã có nhiều hoạt động thiện nguyện có ý nghĩa và đặc biệt là tinh thần “trương thân tương ái, lá lành đùm lá rách” được thực hiện ngay trong nội bộ I.D.I, những hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trong Công ty đều được tất cả các CB-CNV hỗ trợ, giúp đỡ.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Dưới sự lãnh đạo của Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thể hiện tinh thần đoàn kết, sáng tạo, tâm huyết, nhanh chóng và kịp thời để ổn định và duy trì hoạt động sản xuất của Công ty. Trong năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện tính tuân thủ đối với các quy định về quản trị, điều hành, bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao, cụ thể:

- **Về thực hiện kế hoạch kinh doanh:** Đã thực hiện đạt 75% kế hoạch về doanh thu xuất khẩu năm 2024 đề ra. Trước tình hình kinh tế Thế giới và nền kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn, thách thức thì đây là kết quả đáng được ghi nhận, vì nó thể hiện tinh thần đoàn kết và nỗ lực phấn đấu không ngừng nghỉ của tập thể gần 3.000 CB-CNV Công ty I.D.I cùng với các quyết sách điều hành đúng đắn và phù hợp của Ban lãnh đạo để Công ty luôn ổn định sản xuất và kinh doanh có hiệu quả!

- **Về công tác nhân sự:** Luôn đảm bảo nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng nhu cầu kinh doanh trước, trong và sau khi giãn cách xã hội. Luôn gắn kết tập thể, đồng thời tạo môi trường quản lý tốt, hiệu quả, giúp CB-CNV đều có thể phát huy các sáng kiến, sáng tạo trong công việc.

- **Về đảm bảo nguồn tài chính:** Ban Tổng Giám đốc đã cân đối tốt nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng để đáp ứng sản xuất và duy trì trả nợ đúng hạn các nguồn vốn vay nên Công ty luôn đạt tín nhiệm cao trên danh sách theo dõi của các tổ chức tín dụng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị.

1.1. Các thành viên Hội đồng quản trị.

	Ông Lê Thanh Thuận – Chủ tịch Hội đồng quản trị - Các chức danh tại Công ty khác: Phó CT.HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản Trisedco. - Giới tính: Nam - Năm sinh: 1958 - Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.
	Ông Lê Tuấn Anh – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Các chức danh tại Công ty khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai. - Giới tính: Nam - Năm sinh: 1994 - Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ. - Số lượng cổ phần đại diện cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai sở hữu là: 116.612.431 cổ phần, chiếm 51,23% vốn Điều lệ.
	Ông Lê Văn Cảnh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc - Các chức danh tại Công ty khác: Không có - Giới tính: Nam - Năm sinh: 1975 - Số lượng cổ phần sở hữu: 13.282 cổ phần, chiếm 0,005% vốn Điều lệ.
	Ông Tống Phi Hùng – Thành viên HĐQT độc lập - Các chức danh tại Công ty khác: Không có - Giới tính: Nam - Năm sinh: 1958 - Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.

	Ông Lê Mạnh Huân – Thành viên HĐQT độc lập - Các chức danh tại Công ty khác: Giám đốc Công ty ĐTXD Tiên Việt - Giới tính: Nam - Năm sinh: 1973 - Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.
---	---

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổng số 32 cuộc họp Hội đồng quản trị.
- Hàng tuần/tháng/quý, thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp với Ban Tổng Giám đốc. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT hàng tháng;
- Hội đồng quản trị đánh giá kết quả sản xuất, kinh doanh hàng quý trong năm 2024.
- Hội đồng quản trị đánh giá những rủi ro kinh doanh cũng như kiến nghị với Ban Tổng Giám đốc về những giải pháp trong việc kinh doanh an toàn và hiệu quả.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, công tác quản lý mọi rủi ro trong toàn Công ty;
- Chỉ đạo, giám sát và tổ chức việc thực hiện các quy định, quy chế quản lý nội bộ, công tác pháp chế và thi đua – khen thưởng.
- Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNXX).

2. Ban Kiểm soát.

2.1. Các thành viên Ban Kiểm soát.

	Ông Từ Thiện Thoại – Trưởng ban Kiểm soát - Các chức danh tại Công ty khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dầu cá Châu Á (AFO). - Giới tính: Nam; - Năm sinh: 1989; - Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.
---	--

	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan – Thành viên Ban kiểm soát - Các chức danh tại Công ty khác: Phó Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco). - Giới tính: Nữ; - Năm sinh: 1987; - Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.
---	---



Bà Đoàn Nguyễn Kim Phụng – Thành viên Ban kiểm soát

- Các chức danh tại công ty khác: Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai.
- Giới tính: Nữ;
- Năm sinh: 1984;
- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát.

- Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tiến hành tổng số 02 cuộc họp ban kiểm soát và tham dự 32 cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm 2024.
- Luôn giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Thực hiện đầy đủ chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty.
- Thực hiện kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và tính trung thực trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác tổ chức kế toán, lập báo cáo tài chính theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiến độ triển khai công tác sản xuất kinh doanh đạt được tại thời điểm kiểm tra.
- Kiểm tra công tác đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm thiết bị của Công ty và các đơn vị trong Công ty.
- Kiểm tra công tác quản lý công nợ.
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 và báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty I.D.I.

3. Ban Kiểm toán nội bộ.

3.1. Các thành viên:

3.1.1. Bà Lê Thị Phụng – Trưởng ban Kiểm toán nội bộ.

- Giới tính : Nữ
- Năm sinh : 1980
- Địa chỉ thường trú : 72 Trần Nhật Duật, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang.
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

3.1.2. Bà Ngô Thị Tố Ngân – Thành viên ban Kiểm toán nội bộ.

- Giới tính : Nữ
- Năm sinh : 1981
- Địa chỉ thường trú : 80F1 Mai Hắc Đế, P. Bình Khánh, TP.Long Xuyên, An Giang.
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

3.1.3. Ông Lê Hoàng Cương – Thành viên ban Kiểm toán nội bộ.

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1985
- Địa chỉ thường trú : 44 Kênh 8, Xã Thạnh Đông A, Huyện Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

3.2. Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ:

- Xây dựng và cập nhật quy chế, quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp để trình lên Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Thực hiện các cuộc kiểm toán nội bộ và tư vấn kiểm toán nội bộ theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ và kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và đề xuất biện pháp hoàn thiện cũng như nâng cao hiệu lực và hiệu quả của quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.
- Thực hiện giám sát triển khai kết quả thực hiện khuyến nghị kiểm toán.
- Thường xuyên phát triển, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật và theo kịp sự phát triển của doanh nghiệp.
- Tư vấn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn và kiểm soát dịch vụ kiểm toán độc lập đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
- Duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích.**4.1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024.**

Thù lao Hội đồng quản trị	Chức vụ	960.000.000
Lê Thanh Thuận	Chủ tịch	360.000.000
Lê Tuấn Anh	Phó chủ tịch	240.000.000
Tổng Phi Hùng	Thành viên	120.000.000
Lê Văn Cảnh	Thành viên	120.000.000
Lê Mạnh Huân	Thành viên	120.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát	Chức vụ	108.000.000
Từ Thiện Thoại	Trưởng ban	60.000.000
Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	24.000.000
Đoàn Nguyễn Kim Phượng	Thành viên	24.000.000
Tiền lương ban Tổng giám đốc	Chức vụ	2.283.746.729
Lê Văn Cảnh	Tổng Giám đốc	748.750.000
Nguyễn Thanh Hải	P.Tổng Giám đốc	546.575.000
Võ Thị Minh Tâm	P.Tổng Giám đốc	663.900.000
Lê Thế Tùng	P.Tổng Giám đốc	
Nguyễn Đức Phương	Kế toán trưởng	324.521.729

4.2. Các khoản lợi ích khác: Không có;

4.3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ trong năm 2024: Không có;

4.4. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có;

4.5. Đánh giá việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty:

- Trong năm 2024 Công ty cơ bản đã thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty theo nghị định 71/2017/NĐ-CP được Chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 06/06/2017.

- Hội đồng quản trị đã xem xét và định hướng chiến lược công ty, các kế hoạch hoạt động sản xuất, chính sách rủi ro, nguồn tài chính và kế hoạch kinh doanh hàng năm; đặt ra các mục tiêu hoạt động, theo dõi việc thực hiện mục tiêu và hoạt động của Công ty.

- Giám sát hiệu quả các thực tiễn Quản trị Công ty và thực hiện các thay đổi khi cần thiết.

- Đưa ra mức thù lao của cán bộ quản lý cấp cao và Hội đồng Quản trị phù hợp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông.

- Đảm bảo sự nghiêm túc và minh bạch của quy trình đề cử và bầu Hội đồng quản trị.

- Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo kế toán và tài chính của Công ty, kể cả báo cáo kiểm toán độc lập, và bảo đảm rằng các hệ thống kiểm soát phù hợp luôn hoạt động, đặc biệt là các hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát tài chính và hoạt động, tuân thủ theo pháp luật và các tiêu chuẩn liên quan.

- Giám sát quy trình công bố thông tin và truyền đạt thông tin. Luôn cung cấp thông tin chính xác và kịp thời tới các cơ quan có liên quan và toàn thể cổ đông của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024.

1. Ý kiến kiểm toán: Chấp thuận toàn phần.

2. Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

*Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm CN Văn Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 57



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và đến nay, công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 15 tháng 08 năm 2024.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: **2.731.726.680.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Chế biến thủy hải sản (Mã 1020). Mua bán thủy hải sản (Mã 4632). Kinh doanh khách sạn (Mã 5510). Mua bán vật liệu xây dựng (Mã 4663). Mua bán hàng trang trí nội thất (Mã 4649). Nuôi trồng thủy sản (Mã 0322). Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản (Mã 1080). Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản); kinh doanh nhà (Mã 6810). Sản xuất nước đóng chai (Mã 1104). Sản xuất bao bì giấy - nhựa (Mã 1702, 2220). Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật (Mã 1040). Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã 0810). Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã 5210). Bốc xếp hàng hóa cảng biển (Mã 5224). Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới (Mã 4933, 5022). Kinh doanh thuốc thú y thủy sản (Mã 4669). Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (Mã 4101, 4102, 4293, 4212). Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã 4639). Sản xuất điện (Mã 3511).

4. Cấu trúc Công ty**Công ty con****- Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản**

+ Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

+ Vốn điều lệ: 692.283.410.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 79,25%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 79,25%

- Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đắk Nông

+ Địa chỉ: Số 1, Tiểu khu 834, Cụm Ba Tầng, X. Ea Pô, H. Cư Jút, Đắk Nông

+ Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,50%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 97,50%

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2024 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông: Lê Thanh Thuận
 Ông: Lê Tuấn Anh
 Ông: Tống Phi Hùng
 Ông: Đinh Văn Thép
 Ông: Lê Văn Cảnh
 Ông: Lê Mạnh Huân

Chủ tịch
 Phó chủ tịch
 Thành viên
 Thành viên
 Thành viên
 Thành viên

Miễn nhiệm ngày 22/04/2024

Bổ nhiệm ngày 22/04/2024

Bổ nhiệm ngày 22/04/2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông: Lê Văn Cảnh
 Ông: Nguyễn Thanh Hải
 Bà: Võ Thị Minh Tâm
 Ông: Lê Thế Tùng

Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Bà: Lê Thị Phương
 Bà: Ngô Thị Tố Ngân
 Ông: Lê Hoàng Cường

Trưởng ban
 Thành viên
 Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Từ Thiện Thọại
 Bà: Nguyễn Thị Thanh Loan
 Bà: Đoàn Nguyễn Kim Phương

Trưởng ban
 Thành viên
 Thành viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Văn Cảnh

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Đức Phương

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phú Nam (AASCS) thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 260 /BCKT/TC/2025/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I được lập ngày 24 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2025

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Phó Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

Đặng Tùng Hưng

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3611-2021-142-1



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.223.258.907.795	5.537.285.855.129
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	1.711.692.314.347	1.112.379.542.714
111	1. Tiền		733.035.314.347	317.879.542.714
112	2. Các khoản tương đương tiền		978.657.000.000	794.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	1.530.589.595.888	663.675.624.494
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.530.589.595.888	663.675.624.494
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.717.223.495.598	2.151.311.894.741
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	1.721.418.706.443	1.285.570.982.375
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	950.951.375.333	820.124.422.378
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.06	101.887.902.212	102.461.588.328
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.07	(57.034.488.390)	(56.845.098.340)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.08	1.224.667.804.249	1.571.797.393.210
141	1. Hàng tồn kho		1.224.667.804.249	1.572.104.514.105
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			(307.120.895)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		39.085.697.713	38.121.399.970
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.14	2.783.255.167	2.106.032.705
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		36.302.442.546	36.015.367.265
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

5011720-
CÔNG TY
TNHH
ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA
PHÍA NAM
- TP HCM -

141296-
CÔNG TY
ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA I.D.I
★ ★
TP. Đồng Tháp

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL. 30, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.154.121.101.296	2.740.162.407.014
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.242.979.835	461.442.979.835
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	V.05		457.200.000.000
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.06	3.242.979.835	4.242.979.835
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		813.705.885.605	909.002.530.259
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	592.312.391.546	655.079.812.067
222	- Nguyên giá		1.386.645.474.494	1.352.257.228.958
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(794.333.082.948)	(697.177.416.891)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	78.068.287.302	107.653.295.457
225	- Nguyên giá		127.581.557.215	159.697.752.367
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(49.513.269.913)	(52.044.456.910)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.12	143.325.206.757	146.269.422.735
228	- Nguyên giá		175.432.349.051	174.725.981.651
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(32.107.142.294)	(28.456.558.916)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.13	244.095.394.432	252.801.450.233
231	- Nguyên giá		323.234.235.576	323.234.235.576
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(79.138.841.144)	(70.432.785.343)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.09	585.886.940.807	574.952.932.200
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		585.886.940.807	574.952.932.200
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	248.827.581.111	248.827.581.111
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		245.517.581.111	245.517.581.111
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.310.000.000	3.310.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		258.362.319.506	293.134.933.376
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	8.158.647.309	9.570.771.554
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại	V.15	250.203.672.197	283.564.161.822
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.377.380.009.091	8.277.448.262.143

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.885.146.928.116	4.855.891.649.068
310	I. Nợ ngắn hạn		4.734.278.435.590	4.530.157.213.272
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.17	206.744.965.778	216.486.725.129
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.18	135.853.818.947	108.568.775.730
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.19	35.708.638.380	35.947.977.860
314	4. Phải trả người lao động		19.310.776.635	22.628.950.610
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.20	19.400.802.762	1.340.020.397
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.21	29.232.760.138	35.199.713.551
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.16	4.268.828.358.699	4.090.462.799.775
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.22		2.022.226.343
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		19.198.314.251	17.500.023.877
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		1.150.868.492.526	325.734.435.796
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.16	1.150.868.492.526	325.734.435.796
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

			Đơn vị tính: VND	
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.492.233.080.975	3.421.556.613.075
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.23	3.481.969.695.875	3.411.293.227.975
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.731.726.680.000	2.276.446.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.731.726.680.000	2.276.446.080.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.060.700.000	17.060.700.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		246.687.400.000	196.813.460.000
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		76.041.216.796	67.644.983.670
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		11.111.130.157	10.714.897.031
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.111.130.157	10.714.897.031
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		201.971.424.074	657.853.134.910
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		141.509.895.532	600.087.187.791
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		60.461.528.542	57.765.947.119
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		186.260.014.691	174.045.075.333
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	V.25	10.263.385.100	10.263.385.100
431	1. Nguồn kinh phí		10.263.385.100	10.263.385.100
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.377.380.009.091	8.277.448.262.143

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



VŨ THỊ LỆ



NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thanh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	7.142.101.147.514	7.224.145.254.447
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	5.327.753.884	2.905.765.506
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.136.773.393.630	7.221.239.488.941
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	6.577.973.020.867	6.696.637.582.772
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		558.800.372.763	524.601.906.169
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	179.226.869.860	217.555.237.409
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	360.382.540.923	411.680.687.185
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		309.079.691.970	362.135.007.028
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			
25	8. Chi phí bán hàng	VI.06.01	188.796.031.578	131.904.565.161
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06.02	82.361.733.191	89.803.602.061
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		106.486.936.931	108.768.289.171
31	11. Thu nhập khác	VI.07	11.500.927.442	13.097.504.488
32	12. Chi phí khác	VI.08	9.820.852.627	14.695.356.969
40	13. Lợi nhuận khác		1.680.074.815	(1.597.852.476)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		108.167.011.746	107.170.436.695
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	35.490.543.846	33.816.261.430
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		72.676.467.900	73.354.175.265
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		60.461.528.542	57.765.947.119
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát		12.214.939.358	15.588.228.146
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	248	245
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	248	245

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



VŨ THỊ LỆ



NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 30, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		108.167.011.746	107.170.436.695
2. Điều chỉnh cho các khoản				
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		140.987.062.410	148.747.397.049
03	- Các khoản dự phòng		(117.730.845)	(72.521.600)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.066.651.369	(17.539.509.907)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(139.770.090.096)	(175.582.438.415)
06	- Chi phí lãi vay		309.079.691.970	362.135.007.028
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		421.412.596.554	424.858.370.850
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(534.027.128.105)	423.880.412.635
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		347.436.709.856	(86.576.880.033)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		5.966.117.899	(185.471.357.388)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		734.901.783	(6.504.511.653)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(301.912.180.918)	(350.902.970.742)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20.898.304.601)	(46.391.978.887)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		56.160.000	
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(357.869.626)	(8.500.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(81.588.997.158)	172.882.585.882
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(35.749.274.250)	(9.089.373.624)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		27.350.908	4.817.523.653
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.244.070.000.000)	(2.339.620.000.000)
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.834.872.880.967	2.344.205.585.973
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			(245.517.581.111)
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			39.308.973.891
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		132.280.730.082	164.587.831.197
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(312.638.312.293)	(41.307.040.021)

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	- Tiền thu từ đi vay		7.909.226.541.223	9.019.461.007.283
34	- Tiền trả nợ gốc vay		(6.884.837.267.976)	(8.631.172.966.447)
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(30.002.875.444)	(39.878.013.079)
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(423.874.840)	(8.198.313.674)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		993.962.522.963	340.211.714.083
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		599.735.213.512	471.787.259.944
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.112.379.542.714	640.790.543.399
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(422.441.879)	(198.260.629)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		1.711.692.314.347	1.112.379.542.714

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



VŨ THỊ LỆ



NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và đến nay, công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 15 tháng 08 năm 2024.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: **2.731.726.680.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến thủy hải sản,

3. Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2024 là: 2.122 người (số lao động tại ngày 01/01/2024 là: 1.902 người)**4. Ngành nghề kinh doanh**

Chế biến thủy hải sản (Mã 1020). Mua bán thủy hải sản (Mã 4632). Kinh doanh khách sạn (Mã 5510). Mua bán vật liệu xây dựng (Mã 4663). Mua bán hàng trang trí nội thất (Mã 4649). Nuôi trồng thủy sản (Mã 0322). Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản (Mã 1080). Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản); kinh doanh nhà (Mã 6810). Sản xuất nước đóng chai (Mã 1104). Sản xuất bao bì giấy - nhựa (Mã 1702, 2220). Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật (Mã 1040). Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã 0810). Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã 5210). Bốc xếp hàng hóa cảng biển (Mã 5224). Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới (Mã 4933, 5022). Kinh doanh thuốc thú y thủy sản (Mã 4669). Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (Mã 4101, 4102, 4293, 4212). Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã 4659). Sản xuất điện (Mã 3511).

5. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**6. Cấu trúc Công ty**

Công ty con:

- Tổng số các Công ty con : 02

+ Số lượng Công ty con được hợp nhất : 02

+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất : 0

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty Cp ĐT Du lịch và Phát triển Thủy Sản	QL80, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	79,25%	79,25%	79,25%	79,25%
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đắk Nông	Số 1, Tiểu khu 834, Cụm Ba Tầng, X. Ea Pô, H. Cư Jút, Đắk Nông	97,50%	97,50%	97,50%	97,50%

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi tiền khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn năng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nhằm giữ với mục đích chủ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động cho từng loại chứng khoán.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào chỉ phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chỉ phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chỉ phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuế tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

7. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

10 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

11 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

12 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

13 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chỉ trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14 . Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

1501172
CÔNG TY
TNHH
CH VỤ TƯ
CHÍNH KẾ
TÀI CHÍNH
T. P. H. S.

141296
CÔNG TY
ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA I.D.I
T. ĐỒNG THÁP

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL.80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thống dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phí tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Văn Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quả biểu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có). Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí lãi vay không được khấu trừ

Phần chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định tại Nghị định này. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm này.

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

0501172
CÔNG TY
TNHH
ĐỊCH VỤ TƯ
VÀ KIỂM T
PHÍA NA
T. ĐỒNG

3147296
CÔNG TY
ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA I.D.I
T. ĐỒNG

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024*

Đơn vị tính: VND

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

23. Bền liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

24. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

26. Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Văn Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

- Nếu giao dịch thoai vãn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con; toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành công ty mẹ, công ty liên kết trở thành công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.762.507.465	1.783.792.635
Tiền gửi không kỳ hạn	730.272.806.882	316.095.750.079
Các khoản tương đương tiền	978.657.000.000	794.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	978.657.000.000	794.500.000.000
Cộng	1.711.692.314.347	1.112.379.542.714

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- a) Chứng khoán kinh doanh: Không có
- b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

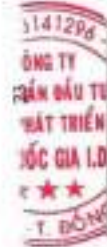
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngắn hạn	1.530.589.595.888	1.530.589.595.888	663.675.624.494	663.675.624.494
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.310.589.595.888	1.310.589.595.888	663.675.624.494	663.675.624.494
b2) Dài hạn	3.310.000.000	3.310.000.000	3.310.000.000	3.310.000.000
- Trái phiếu (*)	3.310.000.000	3.310.000.000	3.310.000.000	3.310.000.000
Cộng	1.533.899.595.888	1.533.899.595.888	666.985.624.494	666.985.624.494

(*) Trái phiếu (TP) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, số lượng: 131 TP, mệnh giá: 10.000.000 đồng/TP; 2 TP, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/TP; Lãi suất, kỳ hạn, ngày phát hành, ngày đáo hạn, phương thức trả lãi được quy định rõ trong ứng Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu.

- c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác	245.517.581.111		245.517.581.111	
+ Công ty CP Điện Mặt Trời Europlast Long An (**)	245.517.581.111		245.517.581.111	
Cộng	245.517.581.111		245.517.581.111	

(**) Do công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thanh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

03. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**a) Ngắn hạn****Bên khác**

+ Công ty TNHH MTV Kiểm Định & Đầu Tư Toàn Cầu

+ Công ty CP Dầu cá Châu Á

+ Công ty Cổ phần Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch

+ Menita Comercial Oceanica Sa De RL De Cv

+ Empire Industries Ltd

+ Đối tượng khác

Bên liên quan

+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed

+ Công ty CP Du Lịch An Giang

b) Dài hạn**Cộng**

Số cuối năm

Số đầu năm

1.721.418.706.443

1.285.570.982.375

1.721.418.706.443

1.278.709.977.375

72.755.719.817

105.954.719.817

389.553.796.985

241.914.818.941

45.779.557.074

101.185.453.660

21.654.966.613

26.284.652.653

1.191.674.665.954

10.142.989.631

793.227.342.673

6.861.005.000

6.831.005.000

30.000.000

1.721.418.706.443

1.285.570.982.375

04. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**a) Ngắn hạn****Bên khác**

+ Công ty CP xuất khẩu Thủy Hải Sản Sạch

+ Công ty CP Dầu Cá Châu Á

+ Công ty TNHH MTV Kiểm định & Đầu tư toàn cầu

+ Lê Đình Mạnh

+ Lê Văn Thương

+ Đối tượng khác

Bên liên quan

+ Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai

b) Dài hạn**Cộng**

Số cuối năm

Số đầu năm

950.951.375.333

820.124.422.378

950.868.010.333

820.124.422.378

70.493.885.724

91.386.814.365

15.041.810.050

15.041.810.050

99.105.667.005

21.642.315.077

24.671.156.908

46.846.754.000

46.846.754.000

694.708.736.646

645.206.729.886

83.365.000

83.365.000

950.951.375.333

820.124.422.378

Khoản mục này được trình bày bổ sung thông tin số đầu năm và cuối năm nhằm cung cấp thêm thông tin trình bày
Thuyết minh báo cáo tài chính

05. PHẢI THU VỀ CHO VAY**Dài hạn****Bên liên quan**

+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

457.200.000.000

457.200.000.000

457.200.000.000

457.200.000.000

Ghi chú:

Hợp đồng vay vốn số 05.2021HDCVV/2022 ngày 04/01/2022 và Phụ lục HD số 06.2021PLCVV/2022, ngày 20/09/2022, thời hạn cho vay trên 12 tháng, lãi suất thay đổi tùy thuộc vào từng thời điểm. Và theo hợp đồng cho vay số 01.HDCVV/2022 ngày 03/01/2022 và Phụ lục số 02 ngày 01/07/2023 cho Công ty CP Tập đoàn Sao Mai vay vốn với số tiền cụ thể theo từng lần vay, lãi suất áp dụng 8%/năm, thời hạn vay là trên 12 tháng.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

06. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	101.887.902.212	(528.000.000)	102.461.588.328	(528.000.000)
Tạm ứng	59.800.978.272		63.785.769.570	
Ký cược, ký quỹ	3.830.700.000		3.830.700.000	
Phải thu khác	38.256.223.940	(528.000.000)	34.845.118.758	(528.000.000)
Bên khác	38.256.223.940		34.845.118.758	
+ Công ty CTTC TNHH MTV NHTMCP Công Thương VN	1.952.194.769		3.540.447.677	
+ Cục thuế tỉnh Đồng Tháp - hoàn thuế	16.565.382.177		18.465.382.177	
+ Lãi tiền gửi dự thu	16.667.618.488		9.715.036.348	
+ Đối tượng khác	3.071.028.506	(528.000.000)	3.124.252.556	(528.000.000)
b) Dài hạn	3.242.979.835		4.242.979.835	
Ký cược, ký quỹ	3.242.979.835		4.242.979.835	
Cộng	105.130.882.047	(528.000.000)	106.704.568.163	(528.000.000)

07. NỢ XẤU**1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ LLC "Sata Fish Ltd"	9.995.468.250		9.995.468.250	
+ Alfredo Foods	9.073.064.061		9.073.064.061	
+ Alliance Seafood Group	9.107.273.406		9.107.273.406	
+ Lapsen International Trading Ltd	6.885.734.871		6.885.734.871	
+ Sarl Globe Alliance	7.104.351.914		7.104.351.914	
+ Tian Ye Aquatic Products Co. Ltd	6.554.141.866		6.554.141.866	
+ Đối tượng khác	8.314.454.022		8.125.063.972	
Cộng	57.034.488.390		56.845.098.340	

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

08. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	10.246.433.896		10.586.655.519	
- Công cụ, dụng cụ	715.673.565		641.893.377	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.675.659.456		24.384.056.811	
- Thành phẩm	684.767.186.783		1.050.662.821.889	(307.120.895)
- Hàng hóa	494.002.996.933		479.973.190.785	
- Hàng gửi đi bán	7.259.853.616		5.855.895.724	
Cộng	1.224.667.804.249		1.572.104.514.105	(307.120.895)

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 1.099.021.697.327 VND.
- Lý do hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: hàng hóa đã được tiêu thụ trong năm

09. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang

Mua sắm

+ Kho lạnh 04

+ Khác

Xây dựng cơ bản

+ Kho lạnh số 04

+ Khu đô thị Bình Long

+ Trung tâm cá giống

+ Nhà máy thủy sản Hoa Kỳ

+ Máy ly tâm

+ Chi phí bồi hoàn đất huyện Cư Jút

+ Công trình khác

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm	14.778.209.810	14.778.209.810
+ Kho lạnh 04	14.321.499.813	14.321.499.813
+ Khác	456.709.997	456.709.997
Xây dựng cơ bản	571.108.730.997	560.174.722.390
+ Kho lạnh số 04	145.580.345.953	142.935.148.514
+ Khu đô thị Bình Long	401.317.925.000	401.317.925.000
+ Trung tâm cá giống	2.296.183.404	
+ Nhà máy thủy sản Hoa Kỳ	4.379.421.944	
+ Máy ly tâm	4.452.987.885	4.452.987.885
+ Chi phí bồi hoàn đất huyện Cư Jút	3.713.038.187	3.701.429.867
+ Công trình khác	9.368.828.624	7.767.231.124
Cộng	585.886.940.807	574.952.932.200

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	533.206.548.612	767.791.356.625	32.726.996.698	3.728.990.600	14.803.342.423	1.352.257.228.958
2. Số tăng trong năm		33.333.963.752		1.583.443.148	116.293.182	35.033.700.082
- Mua trong năm		1.142.768.600		698.770.000	116.293.182	1.957.831.782
- Đầu tư XD/CB hoàn thành				884.673.148		884.673.148
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
3. Số giảm trong năm		32.191.195.152				32.191.195.152
- Chuyển bán, thanh lý			645.454.546			645.454.546
- Giảm khác			645.454.546			645.454.546
4. Số dư cuối năm	533.206.548.612	801.125.320.377	32.081.536.152	5.312.433.748	14.919.635.605	1.386.645.474.494
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	165.289.841.678	490.194.049.792	30.940.597.211	2.071.166.252	8.681.761.958	697.177.416.891
2. Khấu hao trong năm	25.007.970.970	70.807.523.830	772.531.490	522.686.344	690.407.969	97.801.120.603
- Khấu hao trong năm	25.007.970.970	45.673.110.240	772.531.490	522.686.344	690.407.969	72.666.707.013
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		25.134.413.590				25.134.413.590
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán			645.454.546			645.454.546
- Giảm khác			645.454.546			645.454.546
4. Số dư cuối năm	190.297.812.648	561.001.573.622	31.067.674.155	2.593.852.596	9.372.169.927	794.333.082.948
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	367.916.706.934	277.597.306.833	1.786.393.487	1.657.824.348	6.121.580.465	655.079.812.067
2. Tại ngày cuối năm	342.908.735.964	240.123.746.755	1.013.861.997	2.718.581.152	5.547.465.678	592.312.391.546

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 374.341.136.791 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 341.453.180.047 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND



27



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ vô hình	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	11.070.071.709	131.531.783.646	17.095.897.012			159.697.752.367
2. Số tăng trong năm						
- Thuế tài chính trong năm						
- Thanh lý tài sản thuế tài chính						
3. Số giảm trong năm		32.116.195.152				32.116.195.152
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính		32.116.195.152				32.116.195.152
4. Số dư cuối năm	11.070.071.709	99.415.588.494	17.095.897.012			127.581.557.215
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	4.969.795.311	40.282.000.061	6.792.661.538			52.044.456.910
2. Khấu hao trong năm	2.592.936.690	17.523.979.676	2.486.310.227			22.603.226.593
- Khấu hao trong năm	2.592.936.690	17.523.979.676	2.486.310.227			22.603.226.593
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính						
3. Giảm trong năm		25.134.413.590				25.134.413.590
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính		25.134.413.590				25.134.413.590
4. Số dư cuối năm	7.562.732.001	32.671.566.147	9.278.971.765			49.513.269.913
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	6.100.276.398	91.249.783.585	10.303.235.474			107.653.295.457
2. Tại ngày cuối năm	3.507.339.708	66.744.022.347	7.816.925.247			78.068.287.302

- Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 3.549.421.053 VND

- Căn cứ để xác định tiền thuế phát sinh thêm: Các hợp đồng thuế tài chính

- Điều khoản gia hạn thuế hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng bên thuế có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Địa chỉ: QL. 40, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thới, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bán quyền, bảng sáng chế	Phản miễn vĩ tính	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	173.940.981.651			785.000.000	174.725.981.651
2. Số tăng trong năm				706.367.400	706.367.400
- Mua trong năm				528.287.280	528.287.280
- Đầu tư XDCB hoàn thành				178.080.120	178.080.120
- Tăng khác					
3. Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
4. Số dư cuối năm	173.940.981.651				175.432.349.051
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	27.671.558.916			785.000.000	28.456.558.916
2. Khấu hao trong năm	3.589.379.172			61.204.206	3.650.583.378
- Khấu hao trong năm	3.589.379.172			61.204.206	3.650.583.378
- Tăng khác					
3. Giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
4. Số dư cuối năm	31.260.938.088			846.204.206	32.107.142.294
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	146.269.422.735				146.269.422.735
2. Tại ngày cuối năm	142.680.043.563			645.163.194	143.325.206.757

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 141.383.559.963 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 785.000.000 VND



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	173.409.054.479	149.825.181.097		323.234.235.576
2. Số tăng trong năm				
- Mua trong năm				
- Đầu tư XD/CB hoàn thành				
- Tăng khác				
3. Số giảm trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
4. Số dư cuối năm	173.409.054.479	149.825.181.097		323.234.235.576
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	66.905.472.913	3.527.312.430		70.432.785.343
2. Khấu hao trong năm	8.313.843.949	392.211.852		8.706.055.801
- Khấu hao trong năm	8.313.843.949	392.211.852		8.706.055.801
- Tăng khác				
3. Giảm trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
4. Số dư cuối năm	75.219.316.862	3.919.524.282		79.138.841.144
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	106.503.581.566	146.297.868.667		252.801.450.233
2. Tại ngày cuối năm	98.189.737.617	145.905.656.815		244.095.394.432

- Giá trị còn lại cuối năm của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 203.601.135.270 VND

- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 10.744.100.207 VND



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Văn Công, ấp An Thạnh, X. Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngân hạn	2.783.255.167	2.106.032.705
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	516.954.647	573.397.115
Các khoản khác	2.266.300.520	1.532.635.590
b) Dài hạn	8.158.647.309	9.570.771.554
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.010.681.747	2.981.237.454
Các khoản khác	6.147.965.562	6.589.534.100
Cộng	10.941.902.476	11.676.804.259

15. LỢI THẾ THUƠNG MẠI	250.203.672.197	283.564.161.822
Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua Công ty con	250.203.672.197	283.564.161.822
Cộng	250.203.672.197	283.564.161.822

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	4.212.720.530.591	4.212.720.530.591	6.943.215.923.483	6.820.958.192.667	4.090.462.799.775	4.090.462.799.775
Nợ dài hạn đến hạn trả	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000			
Tổng cộng	4.252.720.530.591	4.252.720.530.591	6.983.215.923.483	6.820.958.192.667	4.090.462.799.775	4.090.462.799.775

Chỉ tiết các khoản vay ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản vay ngắn hạn		4.212.720.530.591	4.090.462.799.775
Ngân hàng TMCP Á Châu CN Ông Ích Khiêm		86.822.298.000	128.069.787.500
Ngân hàng TMCP Á Châu CN Sa Đéc		46.665.290.200	59.299.600.000
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Kiên Giang		1.754.219.197.731	1.590.048.375.622
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc		251.094.624.300	200.769.151.500
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bến Nghé		259.961.031.381	380.020.044.900
Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh		151.645.206.549	128.079.759.367



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Dồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Vay dài hạn

	Trong năm			Số đầu năm	
	Số cuối năm	Giá trị	Tăng	Giảm	Số cơ khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm	180.450.000.000	180.450.000.000	60.450.000.000	154.817.522.000	274.817.522.000
Cộng	180.450.000.000	180.450.000.000	60.450.000.000	154.817.522.000	274.817.522.000

Chi tiết các khoản vay dài hạn

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thành Vương - Chi nhánh An Giang

First Commercial Bank - Chi nhánh TP.HCM

Vay cá nhân

Số cuối năm	Số đầu năm
74.817.522.000	74.817.522.000
120.000.000.000	200.000.000.000
60.450.000.000	
180.450.000.000	274.817.522.000

c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

Thời hạn	Năm 2024			Năm 2023		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế lãi chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế lãi chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	20.871.775.468	1.432.300.068	19.439.475.400	11.875.555.735	614.898.516	11.260.657.219
Trên 1 năm đến 5 năm	12.680.521.029	2.117.120.985	10.563.400.044	36.243.198.657	7.625.842.797	28.617.355.860
Cộng	33.552.296.497	3.549.421.053	30.002.875.444	48.118.754.392	8.240.741.313	39.878.013.079



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Địa chỉ: QL 80, cửa CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vó, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d) Giá trị nợ thuế tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Ngắn hạn	16.107.828.108	16.107.828.108		
Gốc nợ thuế tài chính	16.107.828.108	16.107.828.108		
Dài hạn	5.563.786.005	5.563.786.005	50.916.913.796	50.916.913.796
Gốc nợ thuế tài chính	5.563.786.005	5.563.786.005	50.916.913.796	50.916.913.796
Cộng	21.671.614.113	21.671.614.113	50.916.913.796	50.916.913.796

d) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán: không có

e) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: không có

f) Trái phiếu thường

	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
				Giá trị	Lãi suất	Giá trị	Kỳ hạn
Ngắn hạn	964.854.706.521						
Dài hạn	964.854.706.521						
+ Trái phiếu	1.000.000.000.000	5,575%/năm	96 tháng				
Trái phiếu phát hành	(35.145.293.479)						
Phản bổ chỉ trái trái phiếu							
Cộng	964.854.706.521						

Đây là khoản vay đồng bằng việc phát hành trái phiếu theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam để tài trợ Dự án Nhà máy chế biến thủy sản Hoa Kỳ (giai đoạn 2) và Dự án Trung tâm giống thủy sản công nghệ cao Sóc Môn. Giá trị trái phiếu có tổng mệnh giá 1.000 tỷ đồng, ngày đáo hạn vào tháng 10 năm 2032. Lãi suất cố định áp dụng cho toàn bộ thời hạn 8 năm của trái phiếu được xác định là 5,575%/năm. Trái phiếu này được bảo lãnh thanh toán bởi GuarantCo Ltd, thời hạn bảo lãnh 8 năm theo "Thỏa thuận bảo lãnh" ngày 29/10/2024 và "Thỏa thuận bảo lãnh" ngày 30/10/2024.

Số tiền trái phiếu sẽ được sử dụng theo thời hạn theo văn bản trợ đổi (Recourse Deed.)

Tại thời điểm 31/12/2024, tài sản bảo đảm cho bên bảo lãnh này đang được hoàn tất thủ tục giữa các bên liên quan.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Địa: QL 80, Cụm CN Vàm Cống, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2024:

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dự nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Á Châu CN Ông Ích Khiêm	OKK.DN.4550.250724 NGÀY 23/08/2024		167.000.000.000	3.398.000,00	86.822.298.000	9	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Kiên Giang	01/2024/4426663/HĐ TD ngày 07/10/2024		1.900.000.000.000		1.212.555.883.431	8	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Hàng tồn kho của công ty, Tiền gửi và tài sản khác
				21.199.300,00	541.663.314.300	8	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc	01/2024/4426663/HĐ TD ngày 27/12/2024		50.000.000.000		50.000.000.000	12	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
			200.000.000.000		22.000.000.000	8	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Hàng tồn kho của công ty, Tiền gửi và tài sản khác
				7.000.300,00	179.094.624.300	8	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	ICA000659-2024 ngày 02/01/2024 và PL số FCA000659-2024/01 ngày 03/12/2024	3.500.000	81.200.000.000		82.492.223.123	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân hàng China Construction Bank Corporation - Chi nhánh TP.HCM	FAGSTF/2018-005APP5 ngày 08/09/2023	7.000.000	162.400.000.000		153.874.160.400	9	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	QSDĐ của công ty



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Đc: QL 80, Cụm CN Văn Cảng, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2024:

Bên cho vay	Hợp đồng/Kế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dự nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN An Giang	112-00018879.01692/2024/HĐTD ngày 11/06/2024		100.000.000.000	748.031,00	19.112.940.081	6	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân hàng TMCP công thương Đồng Tháp	397/2023/HĐC/VHM/NHCT720-IDI ngày 26/12/2023 và PL sửa đổi bổ sung số 397/2023-HĐC/VHM-SEBS02/NHCT720-IDI ngày 24/12/2024		400.000.000.000	14.721.199,66	376.141.372.513	8	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tài sản khác, tiền gửi
Ngân hàng Phát triển Tp.HCM - CN Vũng Tàu	29752/23/MN/HĐ/TD ngày 07/1/2023		400.000.000.000	3.448.942,00	88.123.917.042	6	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tài sản khác
Ngân Hàng TNHH INDOVINA - CN Đồng Nai	IVB-DN/CL/0322/032/DC2 ngày 24/07/2024	3.000.000			23.000.000.000	6	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tài sản khác
Ngân Hàng TMCP Thành Vượng và Phát triển	540.0230/2024/HĐTD HM-DN/PGBankAG ngày 02/07/2024		150.000.000.000		76.320.500.000	8	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	QSDB
Ngân hàng Tiên Phong CN An Giang	81/2024/HĐTD/AGG ngày 29/03/2024		200.000.000.000		183.295.659.579	9	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tài sản khác
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN An Giang	BCLC-1458-HĐHM ngày 29/12/2023		1.000.000.000.000		160.706.748.200	6	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	QSDB và Tài sản khác



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Đ/c: QL 80, Cựm CN Vàm Cống, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2024:

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Bank Sinopac CN HCM	231023-SDBS1 ngày 08/06/2024	2.000.000			47.645.600.000	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
First Commercial Bank - CN HCM	MLBTDS-H10210079 ngày 06/10/2023		200.000.000.000		40.000.000.000	60	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tài sản khác
	TRLBTDS-H30240087 ngày 31/07/2024	6.000.000			135.546.983.300	12	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân hàng Woori Bank CN Hà Nam	VN123097736-004HDCV/HM/W/VBN 303 - IDI ngày 06/09/2024		150.000.000.000		149.875.428.600	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân hàng United Overseas Bank (VN)	UOB/HCMC/CMB/26 73/003 ngày 20/09/2024	4.000.000			49.303.324.400	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân hàng Nam Á - CN Cần Thơ	0910/2023/603-CV ngày 26/12/2023		200.000.000.000	815.300,00	20.831.730.300	3	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tài sản khác
Ngân hàng TMCP Nam Á	0287/2024/603-CV		100.000.000.000	500.000,00	12.775.500.000	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi + Cổ phiếu
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	112-00023613.14/093/20 24/HDTĐ		70.000.000.000	373.765	9.550.069.515	3	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
					14.937.000.000	12			



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Địa chỉ: QL. 80, Cụm CN Vàm Cống, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2024:

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	01/2024/4956478/H ĐTD	400.000.000.000		866.344,8	22.135.975.985	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi + Bất động sản
					237.825.055.396				
Ngân hàng TMCP Á Châu	SDE.DN.1672.0706 24	73.400.000.000		1.180.200	30.155.290.200	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi + Bất động sản
					16.510.000.000				
Ngân hàng TNHH MTV WOORI Việt Nam	VNI23002861/WBVN 303		85.000.000.000		49.490.620.000	11	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi + Bất động sản
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	442/2023/HĐTD/AGG		100.000.000.000		22.350.000.000	3	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Bất động sản
Ngân hàng TMCP Phát Triển TPHCM	3724/3/22MN/HĐTD		90.000.000.000		261.043.500	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi + Cổ phiếu
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	75/2023/VCB.BT-CRC		30.000.000.000		30.000.000.000	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi + Cổ phiếu
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	268/2024-HĐCVHM/NHCT720-TRISEDCO		55.000.000.000		39.170.285.000	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Trái phiếu và Bất động sản
Ngân hàng BPCE IOM	PCA000601-2024	3.000.000			69.152.983.426	5	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Ký quỹ tiền
Tổng ngân hàng		28.500.000	6.364.000.000.000	54.260.382	4.252.726.530.591				



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Địa: QL 80, Quận CN Vàm Cống, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, Đồng Tháp

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2024:

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
First Commercial Bank - CN HCM	M.L.BTDS- H110230079 ngày 06/10/2023		200.000.000.000			60	Theo từng khối ước nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài Sản khác
	Tung hợp đồng cụ thể				60.450.000.000	24	Theo từng hợp đồng cụ thể	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Vay của cá nhân
Tổng dài hạn			200.000.000.000		180.450.000.000				
Công ty cho thuê TC TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam _CN TP	95/2020/CN.MN-CTTC ngày 27/11/2020		24.943.333.320			60	Theo từng khối ước nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Ký cược
	91/2021/CN.Mn-CTTC ngày 27/12/2021		31.051.892.611			60	Theo từng khối ước nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Ký cược
Công ty CTTC VIETNBANKLEASING	72/2019/CN.MN-CTTC		49.262.765.960			63	9,50%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Ký cược
	C2201170C2		8.634.655.933			50	7,48%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Ký cược
Công ty CTTC CHALEASE LEASING	C2211008C2		4.915.319.000			32	7,96%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Ký cược
	Thẻ mua tài chính		118.807.966.824		21.671.614.113				



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngân hạn	206.744.965.778	206.744.965.778	216.486.725.129	216.486.725.129
Bên khác	206.457.063.576	206.457.063.576	216.474.425.729	216.474.425.729
+ Công ty TNHH MTV KD & DT Toàn Cầu	11.008.030.089	11.008.030.089	46.213.547.000	46.213.547.000
+ Công ty CP Xuất khẩu Hải Sản Sạch	28.022.356.922	28.022.356.922	11.006.530.179	11.006.530.179
+ Công ty TNHH MTV Tiếp Vận và Thương Mại Ocean Ship	1.755.395.064	1.755.395.064	9.178.810.509	9.178.810.509
+ Công ty Cổ Phần Bao Bì Bình Đức	8.261.656.830	8.261.656.830	5.076.815.400	5.076.815.400
+ Công ty TNHH Kíng Group	157.409.624.671	157.409.624.671	3.761.902.710	3.761.902.710
+ Phải trả cho các đối tượng khác	287.902.202	287.902.202	141.236.819.931	141.236.819.931
Bên liên quan	156.944.402	156.944.402	12.299.400	12.299.400
+ Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	130.467.800	130.467.800	10.399.400	10.399.400
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	490.000	490.000	1.900.000	1.900.000
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp				
b) Dãi hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có				
Cộng	206.744.965.778	206.744.965.778	216.486.725.129	216.486.725.129

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hạn	135.853.818.947	135.853.818.947	108.568.775.730	108.568.775.730
Bên khác	14.110.929.380	14.110.929.380	14.509.000.000	14.509.000.000
+ Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy Hải Sản Sạch	19.500.000.000	19.500.000.000	449.212.000	449.212.000
+ Công ty TNHH CNSL INDUSTRIAL	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Lê Văn Linh	61.793.677.567	61.793.677.567	94.059.775.730	94.059.775.730
+ Lê Như Thành				
+ Lê Đức Tăng				
+ Khác				
Bên liên quan	135.853.818.947	135.853.818.947	108.568.775.730	108.568.775.730
Cộng				

Khác mục này được trình bày bổ sung thông tin số đầu năm và cuối năm nhằm nhằm cung cấp thêm thông tin trình bày Thuyết minh báo cáo tài chính



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Phải nộp	Đơn vị tính: VND		
	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm
Thuế GTGT	85.098.277	1.190.867.288	1.241.233.941
Thuế TNDN - hoạt động SXKD chính (*)	34.833.825.928	35.490.543.846	35.728.205.440
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		3.606.112.733	3.606.112.733
Thuế thu nhập cá nhân	614.946.175	1.480.658.995	1.431.970.228
Thuế tài nguyên	174.768.000	253.792.000	253.792.000
Thuế khác		1.785.426.230	1.785.426.230
Cộng	35.708.638.380	43.897.401.092	44.046.740.572
			35.947.977.860

Ghi chú: (*) chuyển khoản 13.038.556.613 đồng và nộp bằng tiền thuế GTGT trong năm với số tiền là 7.081.641.740 đồng theo QĐ số 108/QĐ-CTDTH-KĐT ngày 08/05/2024 và với số tiền 7.748.259.099 đồng theo QĐ số 106/QĐ-CTDTH-KĐT ngày 08/05/2024.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	19.400.802.762	1.340.020.397
Chi phí lãi vay	10.083.679.474	1.340.020.397
Chi phí lãi vay trái phiếu	9.317.123.288	
b) Dài hạn		
Cộng	19.400.802.762	1.340.020.397

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	29.232.760.138	35.199.713.551
Kinh phí công đoàn	941.756.031	1.220.605.231
Bảo hiểm y tế	204.863.500	208.845.250
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.167.221.960	6.212.221.960
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	883.203.625	1.100.681.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.035.715.022	26.457.360.110
Bên khác	11.058.826.022	19.380.471.110
+ Công ty điện lực Đồng Tháp	1.772.738.490	
+ Công ty TNHH SAFACO	1.529.574.800	
+ Phải trả khác	7.756.512.732	19.380.471.110
Bên liên quan	9.976.889.000	7.076.889.000
+ Công ty Cp Tập đoàn Sao Mai	9.976.889.000	7.076.889.000
b) Dài hạn		
Cộng	29.232.760.138	35.199.713.551

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có

22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		2.022.226.343
Dự phòng phải trả tiền lương		2.022.226.343
b) Dài hạn		
Cộng		2.022.226.343

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Nam Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

23.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Tại ngày 01/01/2023	2.276.446.080.000	196.813.460.000	17.060.700.000	72.577.293.393	621.485.064.349	171.773.974.329	3.356.156.572.071
Lãi trong năm trước					57.765.947.119	15.588.228.146	73.354.175.265
Tăng do trích lập từ lợi nhuận				16.497.484.339			16.497.484.339
Tăng khác					178.332.232	52.384.642	230.716.874
Trích quỹ từ lợi nhuận					(21.497.484.339)		(21.497.484.339)
Giảm khác					(78.724.451)	(19.128.502)	(97.852.953)
Giảm từ thoái vốn công ty con						(13.350.383.282)	(13.350.383.282)
Tại ngày 31/12/2023	2.276.446.080.000	196.813.460.000	17.060.700.000	89.074.777.732	657.853.134.910	174.045.075.333	3.411.293.227.975
Tại ngày 01/01/2024	2.276.446.080.000	196.813.460.000	17.060.700.000	89.074.777.732	657.853.134.910	174.045.075.333	3.411.293.227.975
Lãi trong năm này					60.461.528.542	12.214.939.358	72.676.467.900
Tăng vốn trong năm nay	455.280.600.000	49.873.940.000					505.154.540.000
Trích quỹ từ lợi nhuận				9.188.699.378	(11.188.699.378)		(2.000.000.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu					(505.154.540.000)		(505.154.540.000)
Tăng khác							
Giảm khác							
Tại ngày 31/12/2024	2.731.726.680.000	246.687.400.000	17.060.700.000	98.263.477.110	201.971.424.074	186.260.014.691	3.481.969.695.875

Trong năm, công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên năm 2024 Công ty CPĐT và PT Đa Quốc Gia I.D.I ngày 22/04/2024 số 01/2024/NQ-ĐHCĐ và Biên bản họp ĐHCĐ thường niên năm 2024 Công ty CPĐT và PT Đa Quốc Gia I.D.I ngày 22/04/2024 số 01/2024/BB-ĐHCĐ. Và Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên năm 2024 Công ty CPĐT dự lịch và PT Thủy Sản ngày 22/04/2024 số 01/2024/NQ - ĐHCĐ và theo Nghị quyết Công ty CPĐT dự lịch và PT Thủy Sản số 05/22/2024/NQ-HĐQT ngày 22/05/2024.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

23 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ %	Số đầu năm	Tỷ lệ %
Vốn góp của công ty mẹ	1.399.349.160.000	51,23%	1.166.124.310.000	51,23%
- Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	1.399.349.160.000	51,23%	1.166.124.310.000	51,23%
Vốn góp của các đối tượng khác	1.332.377.520.000	48,77%	1.110.321.770.000	48,77%
Cộng	2.731.726.680.000	100,00%	2.276.446.080.000	100,00%

23 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	2.276.446.080.000	2.276.446.080.000
- Vốn góp tăng trong năm	455.280.600.000	
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	2.731.726.680.000	2.276.446.080.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	455.280.600.000	

23 . 4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	273.172.668	227.644.608
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	273.172.668	227.644.608
- Cổ phiếu phổ thông	273.172.668	227.644.608
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	273.172.668	227.644.608
- Cổ phiếu phổ thông	273.172.668	227.644.608
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

23 . 5. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	76.041.216.796	67.644.983.670
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	11.111.130.157	10.714.897.031
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.111.130.157	10.714.897.031
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19.198.314.251	17.500.023.877

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

e) Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	2.712.532,16	1.937.549,39
- Bảng Anh (EUR)	3.883,62	822,70
- Đô la Hồng Kông (HKD)	14.860,00	14.860,00
- Nhân dân tệ (CNY)	22.947,60	22.947,60
- Baht Thái Lan (THB)	5.150,00	5.150,00
- Singapore (SGD)	6.694,00	4.277,00

25 . NGUỒN KINH PHÍ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	10.263.385.100	10.263.385.100

Đây là nguồn kinh phí Bộ KH và CN cấp cho Công ty để thực hiện dự án "Hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất bột cá và bột nêm từ phụ phẩm cá tra". Công ty đang hoàn tất các hồ sơ liên quan để báo cáo với Bộ KH&CN làm căn cứ xác định kết quả nhiệm vụ khoa học của dự án nói trên.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2024	Năm 2023
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	2.774.946.673.682	2.896.148.764.660
Doanh thu Bột Cá, mỡ cá	2.895.567.645.408	2.885.221.271.975
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	1.417.780.638.000	1.372.247.789.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.565.470.424	70.164.673.539
Doanh thu kinh doanh hàng hóa bất động sản	240.720.000	362.755.273
Cộng	7.142.101.147.514	7.224.145.254.447
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Đối tượng	Mối quan hệ	Năm 2024
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Công ty mẹ	48.250.320.000

02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
Giảm giá hàng bán	582.031.544	1.152.894.323
Hàng bán bị trả lại	4.745.722.340	1.752.871.184
Cộng	5.327.753.884	2.905.765.506

03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	2.511.093.280.221	2.585.540.755.623
Giá vốn bột cá, mỡ cá	2.809.227.475.222	2.770.965.183.269
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	1.206.491.761.001	1.288.699.960.322
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	51.369.705.318	51.075.125.558
Giá vốn kinh doanh hàng hóa Bất động sản	97.920.000	356.558.000
Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(307.120.895)	
Cộng	6.577.973.020.867	6.696.637.582.772

04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	134.042.739.188	142.734.477.420
Lãi chênh lệch tỷ giá	38.280.765.022	41.208.421.003
Lãi từ cổ tức lợi nhuận được chia	5.700.000.000	11.400.000.000
Lãi bán các khoản đầu tư		20.029.861.509
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.203.365.650	2.182.477.477
Cộng	179.226.869.860	217.555.237.409

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền vay	309.079.691.970	162.135.007.028
Lỗ chênh lệch tỷ giá	48.253.156.198	47.030.727.493
Chi phí tài chính khác	3.049.692.755	2.514.952.664
Cộng	360.382.540.923	411.680.687.185

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
06 . 1. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	8.221.126.681	7.591.112.371
Chi phí khấu hao	162.544.094	348.615.178
Chi phí vận chuyển hàng hóa	112.480.429.906	65.934.304.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.335.185.613	23.981.944.569
Chi phí bằng tiền khác	44.396.745.284	34.048.588.779
Cộng	188.796.031.578	131.904.565.161

06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	24.807.775.232	29.885.617.120
Chi phí công cụ, dụng cụ	479.739.422	663.006.535
Chi phí khấu hao	4.007.498.649	3.893.182.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.548.190.956	6.866.862.541
Thuế, phí, lệ phí	44.761.088	336.935.667
Các khoản chi phí QLDN khác	12.923.888.169	14.870.029.318
Dự phòng/Hoàn nhập phải thu khó đòi	189.390.050	(72.521.600)
Lợi thế thương mại	33.360.489.625	33.360.489.628
Cộng	82.361.733.191	89.803.602.061

07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	27.350.908	1.529.211.836
Thu nhập từ cho thuê tài sản	5.710.067.476	9.051.173.814
Các khoản khác	5.763.509.058	2.517.118.838
Cộng	11.500.927.442	13.097.504.488

Các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan trong năm: Xem chi tiết thuyết minh VIII.03

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí cho thuê tài sản	4.841.957.974	4.894.988.278
Các khoản bị phạt	2.034.237.215	2.698.777.001
Các khoản khác	2.944.657.438	7.101.591.685
Cộng	9.820.852.627	14.695.356.964

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YÊU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.082.838.648.146	2.664.739.675.418
Chi phí nhân công	315.629.000.855	340.664.506.067
Chi phí khấu hao tài sản cố định	107.626.572.785	115.430.489.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	228.707.130.180	177.534.282.888
Chi phí khác bằng tiền	116.056.504.002	133.279.500.478
Cộng	2.850.857.855.968	3.431.648.454.088

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	32.886.886.394	33.257.411.909
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm này	2.603.657.452	558.849.521
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35.490.543.846	33.816.261.430

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	60.461.528.542	57.765.947.119
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		2.000.000.000
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	244.064.564	227.644.608
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	248	245

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	60.461.528.542	57.765.947.119
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		2.000.000.000
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	244.064.564	227.644.608
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	248	245

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

VII - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai: không có
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm:	Năm 2024	Năm 2023
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	6.945.119.606.900	9.019.461.007.283
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	964.106.934.323	
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:	Năm 2024	Năm 2023
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	6.884.837.267.976	8.631.172.966.447

VIII - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có
02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính:

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2024 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03. Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2024	Năm 2023
Thù lao Hội đồng quản trị		1.341.000.000	1.228.800.000
Lê Thanh Thuận	Chủ tịch	381.000.000	424.800.000
Lê Tuấn Anh	Phó chủ tịch	240.000.000	240.000.000
Lê Văn Chung	Phó chủ tịch	360.000.000	324.000.000
Tổng Phi Hùng	Thành viên	120.000.000	120.000.000
Đinh Văn Thép	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/04/2024)		120.000.000
Lê Văn Cảnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22/04/2024)	120.000.000	
Lê Mạnh Huân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22/04/2024)	120.000.000	
Thù lao ban kiểm soát		108.000.000	108.000.000
Từ Thiện Thoại	Trưởng ban	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Đoàn Nguyễn Kim Phượng	Thành viên	24.000.000	24.000.000

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

03 . Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

		Năm 2024	Năm 2023
Tiền lương		2.283.746.729	2.797.091.941
Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc		300.000.000
Lê Văn Cảnh	Tổng Giám đốc	748.750.000	712.049.230
Nguyễn Thanh Hải	P.Tổng Giám đốc	546.575.000	542.460.110
Võ Thị Minh Tâm	P.Tổng Giám đốc	663.900.000	656.368.570
Lê Thế Tùng	P.Tổng Giám đốc		315.380.970
Nguyễn Đức Phương	Kế toán trưởng	324.521.729	270.833.061

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Công ty mẹ
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	Công ty con của Công ty CP TĐ Sao Mai
+ Công ty cổ phần Du Lịch Đồng Tháp	Công ty con của Công ty CP TĐ Sao Mai
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Công ty con của Công ty CP TĐ Sao Mai
+ Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai Solar	Công ty con của Công ty CP TĐ Sao Mai
+ Công ty CP Điện Mặt Trời Europlast Long An	Công ty con của Công ty CP TĐ Sao Mai

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2024	Năm 2023
	Bán trong năm	48.293.720.000	51.712.579.100
	- Xuất bán cá tra đông lạnh	47.816.320.000	51.227.479.100
	- Phí ủy thác xuất khẩu cá tra	477.400.000	485.100.000
	Mua trong năm	283.874.550.069	459.984.304.000
	- Dịch vụ đặt tiệc, khách sạn	242.257.402	
	- Chuyển nhượng QSDĐ dự án Lấp Vò		106.725.558.000
	- Chi phí thuê phòng, vùng nuôi Tân Long	661.666.667	720.000.000
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Cho mượn tạm trong năm	138.500.000.000	169.192.484.000
	- Cho mượn tạm	138.500.000.000	169.192.484.000
	Mượn tạm trong năm	2.900.000.000	7.076.889.000
	- Mượn tạm	2.900.000.000	7.076.889.000
	Trả tiền trong năm	85.313.000	
	- Dịch vụ đặt tiệc, khách sạn	85.313.000	
	Cho vay trong năm	912.200.000.000	752.300.000.000
	- Cho vay huy động vốn	912.200.000.000	752.300.000.000

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2024	Năm 2023
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Thu tiền trong năm	1.564.171.140.000	844.726.675.055
	- Thu lãi cho vay	56.271.140.000	46.034.191.055
	- Thu hoàn tiền cho vay	1.369.400.000.000	629.500.000.000
	- Thu hoàn tiền cho mượn tạm	138.500.000.000	169.192.484.000
	Các khoản khác	52.283.691.268	53.193.427.852
	- Ủy thác xuất khẩu cá tra	51.127.390.700	52.929.530.652
	- Thu hộ cước vận chuyển	1.156.300.568	263.897.200
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	Bán trong năm	36.058.225.500	21.647.656.150
	- Tiền bán bột cá	32.519.853.000	18.055.894.000
	- Tiền cho thuê cùm máy ép đùn trục đôi	2.851.200.000	3.008.400.000
	- Tiền bán nước sạch	687.172.500	583.362.150
	Cho mượn tạm trong năm	15.000.000.000	69.000.000.000
	- Cho mượn tạm	15.000.000.000	69.000.000.000
	Thu tiền trong năm	57.889.230.500	83.816.651.150
	- Thu tiền cho thuê tài sản, bán nước sạch	3.538.372.500	3.591.762.150
	- Thu tiền từ bán bột cá	39.350.858.000	11.224.889.000
	- Thu hoàn tiền cho mượn tạm	15.000.000.000	69.000.000.000
	Mua hàng trong năm	6.534.000.000	5.227.200.000
	- Phải trả tiền thuê văn phòng	6.534.000.000	5.227.200.000
	Trả tiền trong năm	6.534.000.000	5.227.200.000
	- Phải trả tiền thuê văn phòng	6.534.000.000	5.227.200.000
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Bán hàng trong năm	120.000.000	120.000.000
	- Tiền cho thuê tài sản	120.000.000	120.000.000
	Thu tiền trong năm	150.000.000	90.000.000
	- Thu tiền cho thuê tài sản	150.000.000	90.000.000
	Mua hàng trong năm	1.217.969.885	624.723.000
	- Dịch vụ khách sạn, đặt tiệc, nước uống đóng chai, vé máy bay, tham quan	1.217.969.885	624.723.000
	Trả tiền trong năm	1.097.901.485	624.723.000
	- Dịch vụ khách sạn, đặt tiệc, nước uống đóng chai, vé máy bay, tham quan	1.097.901.485	624.723.000

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LD.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2024	Năm 2023
+ Công ty cổ phần Du Lịch Đồng Tháp	Mua hàng trong năm	1.004.628.200	497.470.700
	- Dịch vụ đặt tiệc, mua vé máy bay, phí tham quan	1.004.628.200	497.470.700
	Trả tiền trong năm	1.006.038.200	497.470.700
	- Dịch vụ đặt tiệc, mua vé máy bay, phí tham quan	1.006.038.200	497.470.700
+ Công ty CP Điện Mặt Trời Europlast Long An	Khoản khác	5.700.000.000	11.400.000.000
	- Thu tiền cổ tức	5.700.000.000	11.400.000.000
+ Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai Solar	Mua hàng trong kỳ	427.308.200	
	- Pin năng lượng mặt trời	427.308.200	
	Trả tiền trong kỳ	427.308.200	
	- Pin năng lượng mặt trời	427.308.200	

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	- Cho vay huy động vốn		457.200.000.000
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	- Cho thuê tài sản		30.000.000
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	- Bán bột cá		6.831.005.000

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	+ Dịch vụ đặt tiệc, vé máy bay, khách sạn	490.000	1.900.000
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	+ Dịch vụ đặt tiệc, khách sạn	156.944.402	
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	+ Dịch vụ đặt tiệc, vé máy bay, phí tham quan	130.467.800	

CÁC KHOẢN PHẢI KHÁC

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty Cp Tập đoàn Sao Mai	- Phải trả khác	9.976.889.000	7.076.889.000

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Văn Công, ấp An Thạnh, X. Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bổ phận

a. Báo cáo bổ phận chính yếu theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không tổng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chi tiêu	Năm 2024			Năm 2023		
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ m bên ngoài	4.735.345.323.176	2.401.428.070.454	7.136.773.393.630	4.605.826.077.975	2.615.413.410.966	7.221.239.488.941
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận						
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.735.345.323.176	2.401.428.070.454	7.136.773.393.630	4.605.826.077.975	2.615.413.410.966	7.221.239.488.941
KQKD theo bộ phận	254.448.848.189	304.351.524.574	558.800.372.763	186.977.582.585	337.624.323.584	524.601.906.169
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(271.157.764.769)			(221.708.167.222)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			287.642.607.994			302.893.738.947
Doanh thu hoạt động tài chính			179.226.869.860			217.555.237.409
Chi phí tài chính			(360.382.540.923)			(411.680.687.185)
Thu nhập khác			11.500.927.442			13.097.504.488
Chi phí khác			(9.820.852.627)			(14.695.356.964)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(35.490.543.846)			(33.816.261.430)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						
Lợi nhuận sau thuế TNDN			72.676.467.900			73.354.175.265
Tổng chi phí đồ phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			35.749.274.250			9.089.373.624
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			111.891.444.776			118.300.006.389



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chi tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	2.044.537.023.492	284.151.656.974	2.328.688.680.466	2.002.491.948.623	199.511.284.821	2.202.003.233.444
Tài sản không phân bổ			7.048.691.328.625			6.075.445.028.699
Tổng tài sản	2.044.537.023.492	284.151.656.974	9.377.380.009.091	2.002.491.948.623	199.511.284.821	8.277.448.262.143
Nợ phải trả bộ phận	325.860.611.328	39.801.906.754	365.662.518.082	317.553.147.089	36.575.996.415	354.129.143.504
Nợ phải trả không phân bổ			5.519.484.410.034			4.501.762.505.564
Tổng nợ phải trả	325.860.611.328	39.801.906.754	5.885.146.928.116	317.553.147.089	36.575.996.415	4.855.891.649.068

h. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Năm 2024

Chi tiêu	Sản xuất chế biến cá tra	Bột Cá, mỡ cá	Thức ăn chăn nuôi	Khác	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.769.618.919.798	2.895.567.645.408	1.417.780.638.000	53.806.190.424	7.136.773.393.630
Tài sản bộ phận	1.992.364.256.787	1.060.369.971.860	1.017.316.754.291	5.307.329.026.153	9.377.380.009.091
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					35.749.274.250

Năm 2023

Chi tiêu	Sản xuất chế biến cá tra	Bột Cá, mỡ cá	Thức ăn chăn nuôi	Khác	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.893.242.999.154	2.885.221.271.975	1.372.247.789.000	70.527.428.812	7.221.239.488.941
Tài sản bộ phận	2.382.163.880.637	1.032.135.369.320	722.485.657.482	4.140.663.354.704	8.277.448.262.143
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					9.089.373.624



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

05. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để dồn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	206.744.965.778			206.744.965.778
Người mua trả tiền trước	135.853.818.947			135.853.818.947
Vay và nợ	4.268.828.358.699	1.150.868.492.526		5.419.696.851.225
Chi phí phải trả	19.400.802.762			19.400.802.762
Các khoản phải trả phải nộp khác	29.232.760.138			29.232.760.138
Cộng	4.660.060.706.324	1.150.868.492.526		5.810.929.198.850

Công ty cáo rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

55



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.712.532	1.937.549
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	11.218.040	8.268.922
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	(81.586)	(207.214)
Vay và nợ thuê tài chính	(54.260.382)	(28.231.583)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(40.411.396)	(18.232.326)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức biến động của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	(20.721.102.605)	(8.977.243.083)
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	20.721.102.605	8.977.243.083

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL-80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia có văn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	878.182.500.000	500.852.500.000
Hàng tồn kho	1.099.021.697.327	1.490.697.864.040
Tài sản cố định hữu hình	374.341.136.791	392.684.675.739
Quyền sử dụng đất	141.383.559.963	145.970.351.135
Bất động sản đầu tư	203.601.135.270	207.535.277.257

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

06. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

07. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



VŨ THỊ LỆ



NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

